



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Thừa Thiên Huế

Số 51 + 52

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Trang

10-12-2019	Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND quy định một số chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp thành lập mới trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	02
10-12-2019	Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020, phân bổ kế hoạch năm 2020 các chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình mục tiêu “Hỗ trợ đồng bào dân tộc miền núi theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ”.	05
10-12-2019	Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND về việc bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và kế hoạch đầu tư công năm 2020 tỉnh Thừa Thiên Huế.	80
10-12-2019	Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.	85
10-12-2019	Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020.	88

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2019/NQ-HĐND

Thừa Thiên Huế, ngày 10 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT**Quy định một số chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp
thành lập mới trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 9***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2016;**Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;**Căn cứ Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;**Xét Tờ trình số 9306/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thành lập mới trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.***QUYẾT NGHỊ:****Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thành lập mới trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.**Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết nếu gặp vướng mắc phát sinh, Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VII, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2019./.

CHỦ TỊCH**Lê Trường Lưu**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thành lập mới trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định một số chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp thành lập mới trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các doanh nghiệp mới thành lập được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành (trừ doanh nghiệp có vốn nước ngoài).

b) Các cơ quan quản lý nhà nước.

c) Cục thuế tỉnh, các chi cục thuế các huyện, thị xã, thành phố Huế.

d) Cục hải quan tỉnh, các chi cục hải quan.

đ) Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Thừa Thiên Huế, các chi nhánh ngân hàng hoạt động trên địa bàn tỉnh.

e) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp thành lập mới trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

Doanh nghiệp đồng thời đáp ứng điều kiện được hưởng các mức hỗ trợ khác nhau với cùng nội dung hỗ trợ theo quy định của Nghị quyết này và các quy định khác của tỉnh thì được lựa chọn hưởng mức có lợi nhất.

Chương II

NỘI DUNG HỖ TRỢ

Điều 3. Hỗ trợ sử dụng chữ ký số công cộng.

1. Các doanh nghiệp mới thành lập (trừ doanh nghiệp có vốn nước ngoài) được hỗ trợ chi phí sử dụng chữ ký số công cộng cho năm đầu tiên để kê khai, nộp thuế qua mạng, thông quan điện tử, kê khai và nộp hồ sơ bảo hiểm, ký các hồ sơ điện tử khác.

2. Mức hỗ trợ 1.500.000 đồng/doanh nghiệp.

Điều 4. Hỗ trợ chi phí hóa đơn điện tử.

1. Các doanh nghiệp mới thành lập (trừ doanh nghiệp có vốn nước ngoài) được hỗ trợ chi phí sử dụng hóa đơn điện tử cho lần đăng ký sử dụng đầu tiên.

2. Mức hỗ trợ 1.500.000 đồng/doanh nghiệp.

Điều 5. Hỗ trợ chi phí thuê kế toán cho các doanh nghiệp siêu nhỏ chuyển đổi từ hộ kinh doanh.

1. Các doanh nghiệp siêu nhỏ chuyển đổi từ hộ kinh doanh được hỗ trợ chi phí thuê kế toán trong 02 năm đầu.

2. Mức hỗ trợ 1.000.000 đồng/tháng/doanh nghiệp.

3. Điều kiện hỗ trợ: Đảm bảo cả 03 điều kiện:

a) Là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018;

b) Trước khi thành lập doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã đăng ký và hoạt động theo quy định của pháp luật;

c) Hộ kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh liên tục ít nhất là 01 năm tính đến ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

Điều 6. Hỗ trợ lãi suất vay vốn ban đầu.

1. Các doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ (trừ doanh nghiệp có vốn nước ngoài) được hỗ trợ 03 năm lãi suất vay.

2. Mức hỗ trợ tối đa không quá 10.000.000 đồng/năm, thời điểm bắt đầu phát sinh hợp đồng vay không quá 05 năm kể từ ngày doanh nghiệp được thành lập.

3. Điều kiện hỗ trợ: Đảm bảo cả 02 điều kiện sau:

a) Là doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 6 Nghị định 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018;

b) Có phương án, dự án (i) sản xuất các sản phẩm đạt giải tại các cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo do UBND tỉnh tổ chức hàng năm hoặc (ii) sản xuất các sản phẩm thuộc các lĩnh vực: công nghệ thông tin, dịch vụ du lịch gắn với bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống, nông nghiệp an toàn, thân thiện môi trường, sản phẩm truyền thống. Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể các ngành nghề, sản phẩm thuộc các lĩnh vực hỗ trợ này phù hợp với định hướng phát triển của địa phương theo từng giai đoạn./.

CHỦ TỊCH

Lê Trường Lưu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2019/NQ-HĐND

Thừa Thiên Huế, ngày 10 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020, phân bổ kế hoạch năm 2020 các chương trình mục tiêu quốc gia và chương trình mục tiêu “Hỗ trợ đồng bào dân tộc miền núi theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ”

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu Quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị định 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi Nghị định 77/2015/NĐ-CP về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị định 136/2015/NĐ-CP về hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và Nghị định 161/2016/NĐ-CP về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1669/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung kế hoạch vốn nguồn ngân sách trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 9335/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc đề nghị ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020, phân bổ kế hoạch 2020 các chương trình mục tiêu quốc gia; điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020, phân bổ kế hoạch 2020 chương trình mục tiêu “Hỗ trợ đồng bào dân tộc miền núi theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ”; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Thừa Thiên Huế với những nội dung chủ yếu sau:

1. Điều chỉnh vốn kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 các chương trình mục tiêu quốc gia - nguồn vốn đầu tư phát triển:

a) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: từ 574.900 triệu đồng xuống còn 561.900 triệu đồng (giảm 13.000 triệu đồng).

b) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: từ 214.850 triệu đồng thành 244.062 triệu đồng (tăng 29.212 triệu đồng).

2. Điều chỉnh vốn kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 các chương trình mục tiêu quốc gia - nguồn vốn sự nghiệp: từ 266.674 triệu đồng thành 301.074 triệu đồng (tăng 34.400 triệu đồng).

a) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: từ 168.390 triệu đồng thành 189.200 triệu đồng (tăng thêm 20.810 triệu đồng).

b) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: từ 98.284 triệu đồng thành 111.874 triệu đồng (tăng thêm 13.590 triệu đồng)

3. Bổ sung danh mục đầu tư 10% nguồn vốn sở xố kiến thiết của tỉnh để lại đầu tư xây dựng nông thôn mới theo quy định của trung ương là 7.500 triệu đồng.

(Chi tiết tại phụ lục 1, 2 kèm theo)

Điều 2. Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 chương trình mục tiêu “Hỗ trợ đồng bào dân tộc miền núi theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ” *(Chi tiết tại phụ lục 3 kèm theo)*.

Điều 3. Thông qua kế hoạch phân bổ vốn kế hoạch 2020 các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu “Hỗ trợ đồng bào dân tộc miền núi theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ” *(Chi tiết tại phụ lục 4, 5 kèm theo)*.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VII, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2019./.

CHỦ TỊCH

Lê Trường Lưu

Phụ lục 1

**Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trung hạn các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2016 - 2020
(vốn đầu tư phát triển)**

(Kèm theo Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 HĐND tỉnh đã thông qua	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh	Tăng (+)/giảm (-)	Ghi chú
	Tổng cộng	789,750	805,962		
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	574,900	561,900	-13,000	
2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	214,850	244,062	29,212	
	+ Dự án 1: Chương trình 30a	133,158	150,302	17,144	
	+ Dự án 2: Chương trình 135	81,692	93,760	12,068	

2. Vốn sự nghiệp

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 HĐND tỉnh đã thông qua	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh	Tăng (+)/giảm (-)	Ghi chú
	Tổng cộng	266,674	301,074	34,400	
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	168,390	189,200	20,810	
2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	98,284	111,874	13,590	
	+ Dự án 1: Chương trình 30a	55,087	63,177	8,090	
	+ Dự án 2: Chương trình 135	31,171	34,634	3,463	
	+ Các Dự án 3, Dự án 4, Dự án 5	12,026	14,063	2,037	

Phụ lục 2

**Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trung hạn các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2016 -2020
(vốn đầu tư phát triển)**

(Kèm theo Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 HĐND tỉnh đã thông qua			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
						NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác		NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác	
	TỔNG SỐ				789,750	789,750	0	818,781	813,462	5,319	
	TỔNG SỐ CÁC CTMTQG				789,750	789,750	0	807,493	805,962	1,531	
A	Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới				574,900	574,900	0	561,900	561,900	0	
1	Nhà văn hóa xã Vinh Hải	P.Lộc	2019-2020	250 chỗ	2,500	2,500		0	0		
2	Đường bê tông từ nhà bà Lê Thị Hương đến nhà ông Hồ Văn Nghinh, thôn Tu Vay	A.Luới	2019-2020	419m đường cấp phối; công trình trên tuyến	800	800		0	0		
3	Hệ thống thủy lợi xã Hồng Trung	A.Luới	2019-2020	1.006m kênh	800	800		0	0		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 HĐND tỉnh đã thông qua			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
						NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác		NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác	
4	Vốn phân bổ cho các dự án còn lại theo trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 HĐND tỉnh đã thông qua	tỉnh	2016-2020	1.006m kênh	570,800	570,800		561,900	561,900		
B	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững				214,850	214,850	0	245,593	244,062	1,531	
B1	<u>Dự án 1</u> : Chương trình 30a				133,158	133,158	0	150,302	150,302	0	
	<u>Tiểu dự án 2</u> : Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo				133,158	133,158	0	149,352	149,352	0	
I	Vốn phân bổ cho các dự án còn lại theo trung hạn giai đoạn 2016-2020 HĐND tỉnh đã thông qua	tỉnh	2016-2020		133,158	133,158		129,146	129,146	0	
II	Các công trình khởi công mới năm 2020 phân bổ sung							21,156	21,156	0	
	Huyện Phong Điền	P.Điền						4,800	4,800	0	
1	Đường giao thông liên thôn Rú Hóp - Đông Trung Tây Hồ, xã Phong Bình	P.Điền	2019-2020	600m đường BT (nền đường 5m, mặt 3m); công trình trên tuyến.				950	950		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 HĐND tỉnh đã thông qua			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
						NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác		NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác	
2	Đường từ Tỉnh lộ 4 ra khu dân cư thôn Chính An, xã Phong Chương	P.Điền	2019-2020	665m đường BT (nền đường 5m, mặt 3m); công trình trên tuyến.				950	950		
3	Đường giao thông nội đồng phục vụ sản xuất, xã Điền Hương	P.Điền	2019-2020	Xây dựng 02 tuyến đường cấp phối có tổng chiều dài 1.800m (nền, mặt đường rộng 3m); công trình trên tuyến.				950	950		
4	Hệ thống điện hạ thế phục vụ sản xuất trang trại ở xã Điền Môn	P.Điền	2019-2020	Đường dây trung thế và hạ thế khoảng 2.000 m và 01 trạm biến áp				950	950		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 HĐND tỉnh đã thông qua			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
						NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác		NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác	
5	Đường dân sinh kết hợp sản xuất thôn 10 xã Điện Hòa	P.Điện	2019-2020	800m đường BT (nền đường 5m, mặt 3m); công trình trên tuyến.				1,000	1,000		
	Huyện Quảng Điện	Q.Điện						4,800	4,800	0	
1	Đường bê tông liên thôn Hà Lạc - Sơn Công, xã Quảng Lợi	Q.Điện	2019-2020	550m (nền đường 4m, mặt đường 3m); công trình trên tuyến				1,000	1,000		
2	Đường bê tông thôn Tây Thành, thôn Thành Trung, xã Quảng Thành	Q.Điện	2019-2020	720m (nền đường 4m, mặt đường 3m); công trình trên tuyến				1,050	1,050		
3	Đường bê tông từ cầu Đông Hồ đến đường ông Rỷ, thôn Đông Xuyên, xã Quảng An	Q.Điện	2019-2020	419m (nền đường 4m, mặt đường 3m); công trình trên tuyến				900	900		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 HĐND tỉnh đã thông qua			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
						NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác		NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác	
4	Đường bê tông từ Tỉnh lộ 4 đến vùng trang trại Tây Hoàng, xã Quảng Thái	Q.Điền	2019-2020	614m (nền đường 4m, mặt đường 3m); công trình trên tuyến				900	900		
5	Đường giao thông thôn 1, xã Quảng Ngạn	Q.Điền	2019-2020	600m đường cấp phối đá dăm (nền đường 4m, mặt đường 2,5-3m); công trình trên tuyến				950	950		
	Huyện Phú Vang	P.Vang						6,756	6,756	0	
1	Đường bê tông thôn Phường 2 và thôn Phường 5, xã Vinh Hà	P.Vang	2019-2020	800m (nền đường 4m, mặt đường 3m); công trình trên tuyến				1,098	1,098		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 HĐND tỉnh đã thông qua			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
						NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác		NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác	
2	Đường bê tông thôn Mộc Trụ, xã Vinh Phú	P.Vang	2019-2020	400m (nền đường 4m, mặt đường 3m); công trình trên tuyến				732	732		
3	Đường bê tông từ nhà ông Trương Đãi đến nhà ông Nguyễn Ngọc Trung thôn Trung Định Hải, xã Vinh An	P.Vang	2019-2020	420m (nền đường 4m, mặt đường 3m); công trình trên tuyến				1,154	1,154		
4	Đường bê tông thôn Mong C - Mong A, xã Vinh Thái	P.Vang	2019-2020	440m (nền đường 4m, mặt đường 3m); công trình trên tuyến				823	823		
5	Đường bê tông thôn Mai Vĩnh, xã Vinh Xuân	P.Vang	2019-2020	580m (nền đường 3,5m, mặt đường 2,5m); công trình trên tuyến				874	874		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 HĐND tỉnh đã thông qua			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
						NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác		NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác	
6	Đường bê tông Đội 7, Đội 10, thôn Ba Lãng, xã Phú Xuân	P.Vang	2019-2020	610m (nền đường 3,5m, mặt đường 2,5m); công trình trên tuyến				914	914		
7	Sửa chữa cổng, hàng rào trường THCS Phú Diên, xã Phú Diên	P.Vang	2019-2020	Sửa chữa cổng; tháo dỡ hàng rào hiện có, xây mới 480m				1,161	1,161		
	Huyện Phú Lộc	P.Lộc						4,800	4,800	0	
1	Đường Nam Trường 1, xã Vinh Giang (giai đoạn 2)	P.Lộc	2019-2020	650m đường BT (nền đường 5m, mặt 3m); công trình trên tuyến.				960	960		
2	Đường giao thông liên thôn 1, 2 (từ nhà ông Hoàng đến nghĩa trang vùng khu III), xã Vinh Hải	P.Lộc	2019-2020	660m đường BT (nền đường 5m, mặt 3,5m); công trình trên tuyến.				1,100	1,100		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 HĐND tỉnh đã thông qua			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
						NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác		NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác	
3	Cổng, tường rào trạm Y tế và trường Mầm non, xã Vinh Mỹ	P.Lộc	2019-2020	Trạm Y tế: Xây mới cổng, hàng rào chiều dài 151m; hệ thống điện chiếu sáng; xây dựng nhà để xe diện tích 40m2. Trường: Xây dựng nhà bảo vệ diện tích 9m2; Nhà cầu nổi diện tích 95m2; Cải tạo sân chơi cho trẻ, diện tích 410m2				830	830		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 HĐND tỉnh đã thông qua			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
						NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác		NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác	
4	Công, hàng rào trạm Y tế, xã Lộc Bình	P.Lộc	2019-2020	Xây dựng mới công hàng rào dài 184m; sân, đường nội bộ với diện tích 1.040 m2				750	750		
5	Đường giao thông từ QL49 đến nhà ông Tuấn, xã Lộc Bình	P.Lộc	2019-2020	90m đường BT (nền đường 4m, mặt 3m); công trình trên tuyến.				210	210		
6	Đường giao thông thôn Bình An 1, xã Lộc Vĩnh (từ ngã 4 - Trường THCS Lộc Vĩnh)	P.Lộc	2019-2020	455m đường BT nhựa (nền đường, mặt 5m); công trình trên tuyến.				950	950		
B2	Dự án 2: Chương trình 135				81,692	81,692	0	95,291	93,760	1,531	

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 HĐND tỉnh đã thông qua			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
						NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác		NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác	
	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; các thôn bản đặc biệt khó khăn				81,692	81,692	0	95,291	93,760	1,531	
I	Vốn phân bổ cho các dự án còn lại theo trung hạn giai đoạn 2016-2020 HĐND tỉnh đã thông qua	tỉnh	2016-2020		81,692	81,692		81,573	81,573		
II	Công trình khởi công mới 2020 chuyển từ CTMTQG xây dựng nông thôn mới							1,900	1,600	300	
	Các xã đặc biệt khó khăn							1,900	1,600	300	
	Huyện A Lưới	A.Lưới						1,900	1,600	300	
1	Đường bê tông từ nhà bà Lê Thị Hương đến nhà ông Hồ Văn Nghinh, thôn Tu Vay	A.Lưới	2019-2020	419m đường cấp phối; công trình trên tuyến				900	800	100	
2	Hệ thống thủy lợi xã Hồng Trung	A.Lưới	2019-2020	1.006m kênh				1,000	800	200	
III	Công trình khởi công mới 2020 phân bổ sung							11,818	10,587	1,231	
a	Các xã đặc biệt khó khăn							8,910	8,067	843	
	Huyện A Lưới	A.Lưới	2020					7,250	6,580	670	

Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 HĐND tỉnh đã thông qua			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh			Ghi chú	
				Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
					NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác		NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác		
1	Đường giao thông từ thôn A Hưa nối đường đi đồi A Biah	A.Luoi	2019-2020	500m đường BT (nền đường 4,5-5m, mặt đường 3m); công trình trên tuyến				950	860	90	
2	Đường vào khu sản xuất A Té (nối tiếp)	A.Luoi	2019-2020	500m đường BT (nền đường 4,5-5m, mặt đường 3m)				550	500	50	
3	Đường giao thôn Ka rông - A Ho (nối tiếp)	A.Luoi	2019-2020	400m đường BT (nền đường 4,5-5m, mặt đường 3m)				390	350	40	
4	Đường vào khu sản xuất thôn Ta ay, Hồng Trung	A.Luoi	2019-2020	800m đường cấp phối (nền đường 4m, mặt đường 3m); công trình trên tuyến				530	480	50	

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 HĐND tỉnh đã thông qua			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
						NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác		NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác	
5	Đường nội đồng thôn A Đeeng - Parleeng 1 và 2	A.Luoi	2019-2020	500m đường BT (nền đường 4,5-5m, mặt đường 3m)				600	550	50	
6	Đường nội đồng vào khu sản xuất Tru - Chaih (nối tiếp)	A.Luoi	2019-2020	500m đường BT (nền đường 4,5-5m, mặt đường 3m)				440	400	40	
7	Đường vào khu sản xuất Par ay Hồng Thủy	A.Luoi	2019-2020	1,5km đường cấp phối (nền đường 4m, mặt đường 3m); công trình trên tuyến				1,540	1,400	140	
8	Mở rộng trường mầm non xã Hồng Thái	A.Luoi	2019-2020	1 tầng/3 PH				950	860	90	
9	Mở rộng trường mầm non Hồng Vân	A.Luoi	2019-2020	1 tầng/2 PH và các CT phụ trợ				1,300	1,180	120	

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 HĐND tỉnh đã thông qua			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
						NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác		NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác	
	Huyện Nam Đông	N.Đông						1,100	1,000	100	
10	Đường bê tông thôn 4, thôn 7, xã Hương Hữu	N.Đông	2019-2020	320m (nền đường 4m, mặt đường 3m); công trình trên tuyến				550	500	50	
11	Đường bê tông thôn 6, xã Thượng Long	N.Đông	2019-2020	250m (nền đường 3,5m, mặt đường 2,5m); công trình trên tuyến				550	500	50	
	Thị xã Hương Trà	H.Trà						560	487	73	
12	Sửa chữa trường Tiểu học Hồng Tiến (cơ sở 2)	H.Trà	2019-2020	Sửa chữa khối nhà 1 PH diện tích khoảng 61m2, khối nhà 2 PH diện tích khoảng 103m2; Lát gạch sân, xây tường rào khoảng 66m				560	487	73	

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 HĐND tỉnh đã thông qua			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
						NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác		NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác	
b	Các thôn đặc biệt khó khăn							2,908	2,520	388	
	Huyện A Lưới	A.Lưới						1,180	1,080	100	
1	Đường nội đồng thôn Ba Lạch, xã Hương Lâm	A.Lưới	2019-2020	250m đường BT (nền đường 4,5-5m, mặt 3m)				220	200	20	
2	Đường nội đồng thôn A So 2, xã Hương Lâm	A.Lưới	2019-2020	200m đường BT (nền đường 4,5-5m, mặt 3m)				220	200	20	
3	Đường vào khu sản xuất La Tinh, thôn Liên Hiệp, xã Hương Lâm	A.Lưới	2019-2020	500m đường BT (nền đường 4,5-5m, mặt 3m)				300	280	20	
4	Đường sản xuất thôn Pa Hy, xã Hồng Hạ	A.Lưới	2019-2020	200m đường BT (nền đường 4,5-5m, mặt 3m)				220	200	20	
5	Đường nội đồng thôn Càn Tôm, xã Hồng Hạ	A.Lưới	2019-2020	250m đường BT (nền đường 4,5-5m, mặt 3m)				220	200	20	

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 HĐND tỉnh đã thông qua			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
						NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác		NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác	
	Huyện Nam Đông	N.Đông						200	180	20	
6	Đường sản xuất Pa Xây, thôn Dổi, xã Thượng Lộ	N.Đông	2019-2020	180m đường cấp phối (nền đường 4m, mặt đường 3m) có gia cố BTXM; công trình trên tuyến				200	180	20	
	Thị xã Hương Trà	H.Trà						400	360	40	
7	Nâng cấp, sửa chữa đường trục chính thôn Sơn Thọ, xã Hương Thọ	H.Trà	2019-2020	Nâng cấp 110m đường BT mặt 3,5m				200	180	20	
8	Nâng cấp các tuyến đường thôn Bồ Hòn, xã Bình Thành	H.Trà	2019-2020	Nâng cấp 300m đường BT: Bù lè, mương rãnh thoát nước				200	180	20	
	Huyện Phong Điền	P.Điền						420	360	60	

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 HĐND tỉnh đã thông qua			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
						NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác		NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác	
9	Bê tông hóa tuyến đường thôn Phong Thu, bản Hạ Long, xã Phong Mỹ	P.Điện	2019-2020	250m đường BT (nền đường 5m, mặt 3m); công trình trên tuyến.				420	360	60	
	Huyện Phú Lộc	P.Lộc						708	540	168	
10	Đường giao thông bản Phúc Lộc, xã Xuân Lộc	P.Lộc	2019-2020	295m đường BT (nền đường 5m, mặt 3,5m); công trình trên tuyến.				708	540	168	
C	Các dự án đầu tư từ nguồn vốn SXKT năm 2020 tỉnh Thừa Thiên Huế (10% để lại đầu tư xây dựng nông thôn mới theo quy định)	Tỉnh	2020					11,288	7,500	3,788	
1	Chỉnh trang khu Văn hóa - Thể thao trung tâm xã Quảng Phú	Q.Điện	2019-2020	San nền; chỉnh trang khuôn viên; xây mới bảng hiệu, cột cờ, kháng đài;				600	400	200	

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 HĐND tỉnh đã thông qua			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
						NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác		NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác	
				trồng cây, san ủi mặt bằng sân bóng...							
2	Công trình tường rào 8 thôn, xây dựng các bồn hoa, xã Quảng Thọ	Q.Điền	2019-2020	Xây mới, sửa chữa 560m tường rào bằng BT kết hợp trồng cây; xây mới, sửa chữa các bồn hoa NVH8 thôn, ...				600	400	200	
3	Nâng cấp đường trục thôn 10, thôn 11, xã Hương Hòa	N.Đông	2019-2020	582m đường BT (nền đường 4m, mặt đường 3m); công trình trên tuyến				1,000	800	200	

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 HĐND tỉnh đã thông qua			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
						NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác		NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác	
4	Đường mẫu thôn Hương Thịnh	A.Luới	2019-2020	870m đường BT: kè thoát nước, bồn hoa dọc tuyến				480	400	80	
5	Xây dựng tuyến đường sáng, xanh, sạch đẹp 04 tuyến tại thôn Quảng Hợp, 03 tuyến tại thôn Quảng Lộc	A.Luới	2019-2020	đường hoa, điện chiếu sáng				360	300	60	
6	Nâng cấp, sửa chữa chợ Đại Lộc, xã Điện Lộc	P.Điện	2019-2020	Thay mới mái tôn khối đình chợ, xà gỗ, vì kèo; Xử lý chống thấm sê nô mái; thay mới hệ thống ống thoát nước mái; Quét vôi toàn bộ công trình.				500	400	100	

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 HĐND tỉnh đã thông qua			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
						NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác		NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác	
7	Chỉnh trang khu trung tâm xã (làm vỉa hè, trồng cây bóng mát và cây cảnh đoạn từ Trụ sở xã đến thôn Gia Viên), xã Phong Hiền	P.Điền	2019-2020	Xây mới vỉa hè, điện chiếu sáng, bê tông mặt đường, trồng cây bóng mát, cây cảnh, thoát nước... đoạn từ Trụ sở xã đến thôn Gia Viên dài khoảng 1.000m				1,600	600	1,000	
8	Xây dựng tuyến đường kiểu mẫu thôn Tây Thượng, xã Phú Thượng	P.Vang	2019-2020	khoảng 500m: đổ bù BT mặt đường, sơn tường, làm mới bồn hoa, trồng cây cảnh				520	350	170	

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 HĐND tỉnh đã thông qua			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
						NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác		NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác	
9	Sửa chữa tuyến đường ông Thịnh - cô Hồng; Sửa chữa tuyến đường trước đình làng Hòa Vang, xã Lộc Bôn	P.Lộc	2019-2020	Nâng cấp, sửa chữa 420m đường BT (nền đường 4m, mặt đường 3m)				675	450	225	
10	Sửa chữa tuyến đường ông Ngọc - Đỗ Anh, xã Vinh Hưng	P.Lộc	2019-2020	Nâng cấp, sửa chữa 210m đường BT (nền đường 4m, mặt đường 3m); tường chắn đất bằng đá hộc				450	300	150	
11	Xây dựng kênh mương thôn Nương Trung, xã Vinh Hưng	P.Lộc	2019-2020	Xây mới 65m kênh mương; đập đan tuyến kênh				150	100	50	

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 HĐND tỉnh đã thông qua			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
						NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác		NSTW hỗ trợ	Vốn đối ứng của tỉnh, huyện, xã và các nguồn huy động hợp pháp khác	
12	Đường giao thông nội đồng từ bụi tre 1 đến đường Nhái Lang Xá Bàu 1,2km	H.Thủy	2019-2020	750m đường BT (nền đường 3,5m, mặt đường 3m); công trình trên tuyến				1,200	800	400	

Phụ lục 3

**Bổ sung kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 chương trình mục tiêu “Hỗ trợ đồng bào dân tộc miền núi
Theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ”**

(Kèm theo Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

TT	Danh mục đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						Đầu tư phát triển	Sự nghiệp	
	TỔNG CỘNG				7,961	7,961	0	
I	Thanh toán khối lượng hoàn thành				780	780	0	
1	Cấp điện định canh định cư tập trung tại Khe Bùn xã A Ngo	A.Luoi	2008	1 HT	46	46		
2	Đường vào khu tái định cư Khe Bùn xã A Ngo	A.Luoi	2009	975m đường BT; nền 6m, mặt 3,5m	249	249		
3	Đường giao thông định canh định cư Cu Mực - Kăn Hoa, xã Hồng Hạ	A.Luoi	2011	2.452m đường BT; nền 5m, mặt 3,5m	11	11		
4	Đường giao thông vào điểm định canh định cư Tà Ay (Hạng mục: Nền, mặt đường và công trình trên tuyến)	A.Luoi	2011-2012	790m đường BT; nền 5,5m, mặt 3,5m	119	119		
5	Định canh định cư tập trung vùng Cu Mực - Kăn Hoa, xã Hồng Hạ, huyện A Luoi	A.Luoi	2014-2017	Đường giao thông, nước sinh hoạt, trường TH + nhà ở giáo viên + CT phụ, trường MG+CT phụ, san gạt nền nhà	167	167		
6	Định canh định cư tập trung La Tung, xã A Đót, huyện A Luoi	A.Luoi	2013-2014	Đường giao thông, nước sinh hoạt, san gạt nền nhà và khai hoang	23	23		
7	Định canh, định cư tập trung thôn 5, 6 xã Hồng Thủy (Hạng mục: Đường giao thông)	A.Luoi	2015-2016	1.733m đường BT và cấp phối; nền 4m, mặt 3m	165	165		

TT	Danh mục đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						Đầu tư phát triển	Sự nghiệp	
II	Khởi công mới năm 2020				7,181	7,181	0	
1	Dự án định canh định cư Cu Mực - Kẩn Hoa, xã Hồng Hạ, huyện A Lưới (Hạng mục: Nhà sinh hoạt cộng đồng)	A.Lưới	2019-2020	165m2	1,200	1,200		
2	Dự án định canh định cư Ta Ay, xã Hồng Trung, huyện A Lưới (Hạng mục: Cấp nước sinh hoạt)	A.Lưới	2019-2020	1 HT cấp nước sinh hoạt cho 46 hộ	2,300	2,300		
3	Dự án định canh định cư thôn Ta Rị, xã Hương Hữu, huyện Nam Đông (Hạng mục: Nhà hóp thôn)	N.Đông	2019-2020		1,681	1,681		
4	Dự án định canh định cư thôn Ta Rị, xã Hương Hữu, huyện Nam Đông (Hạng mục: Mở rộng cấp nước sinh hoạt)	N.Đông	2019-2020		1,000	1,000		
5	Dự án định canh định cư bản Hạ Long, xã Phong Mỹ, huyện Phong Điền (Hạng mục: Đường nội bản tuyến 5km)	P.Điền	2019-2020		300	300		
6	Dự án định canh định cư bản Hạ Long, xã Phong Mỹ, huyện Phong Điền (Hạng mục: Đường ngầm qua suối A Đon 200m)	P.Điền	2019-2020		700	700		

Phụ lục 4

Kế hoạch 2020 các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Thừa Thiên Huế

(Kèm theo Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
	TỔNG SỐ				601,822	515,647	86,175	
	TỔNG SỐ CÁC CTMTQG				692,439	303,132	86,175	
A	Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới				307,600	247,700	59,900	
A.I	Vốn sự nghiệp				59,900	0	59,900	Giao UBND tỉnh phân khai chi tiết vốn sự nghiệp
A.II	Công trình hạ tầng				247,700	247,700	0	
I	Công trình chuyển tiếp				99,815	99,815	0	
I.a	Công trình khởi công năm 2017				1,826	1,826	0	
1	Nhà văn hóa xã Quảng Ngạn	Q.Điền	2017-2018	198 chỗ	98	98		
2	Trường Mầm non xã Phú Hồ	P.Vang	2017-2018	2 tầng/4 PH	88	88		
3	Trường THCS Vinh Hiền	P.Lộc	2017-2018	2 tầng/4 PH	45	45		
4	Trường mầm non Vành Khuyên	H.Thủy	2017-2018	4PH+2PCN	210	210		
5	Đường vào vùng sản xuất Cha Lai xã Thượng Nhật (giai đoạn 2)	N.Đông	2017-2018	1,3km	1,385	1,385		
I.b	Công trình khởi công năm 2018				3,868	3,868	0	

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
1	Trường TH Phong Thu	P.Điền	2018-2019	312m2, 4 PH/2 tầng	330	330		
2	Trường MN Phong Hòa 1	P.Điền	2018-2019	585m2, 4 PH/2 tầng	253	253		
3	Trường Tiểu học Phú Lương 1	P.Vang	2018-2020	373m2, 2 tầng/8 PH	257	257		
4	Xây dựng mới tuyến từ nhà Võ Thị Đoái, cụm 5, tuyến Hà Úc đi Vinh Thanh, xã Vinh An	P.Vang	2018-2019	1.077m	118	118		
5	Đường liên thôn Nam Khe Dài và Làng Đông, Lộc Hòa	P.Lộc	2018-2019	1.522m	242	242		
6	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông Đơn Chế - Nghi Giang, xã Vinh Giang	P.Lộc	2018-2019	1.339m	22	22		
7	Trục chính GTNĐ Hương Quang - Hải Tân, xã Hương Bình	H.Trà	2018-2019	606m	8	8		
8	Trường MN Hải Dương cơ sở chính (Tái định cư 3), xã Hải Dương	H.Trà	2018-2019	750m2, 2 tầng/6 PH	831	831		
9	Nhà văn hóa xã Hải Dương	H.Trà	2018-2019	200 chỗ/493m2	186	186		
10	Nhà văn hóa xã Thủy Bằng	H.Thủy	2018-2019	490m2/250 chỗ ngồi	173	173		
11	Trường Mầm non Hoa Sữa, Thủy Bằng	H.Thủy	2018-2019	953m2, 1 tầng/6PH, 1PCN, 1PYT, 1PB	230	230		
12	Trường mầm non Phú Sơn	H.Thủy	2018-2019	363m2, 2 tầng/4 PH và 1 PCN	223	223		
14	Trường THCS Thủy Vân	H.Thủy	2018-2019	390m2, 2 tầng/8PH; cải tạo khối nhà 1 tầng; nhà xe; sân	296	296		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
15	Đường vào vùng sản xuất Mai Rai (GD 2), Thượng Nhật	N.Đông	2018-2019	xây mới 1,78km, nâng cấp 0,7km	232	232		
16	Đường dân sinh Ria Hố, Thượng Lộ	N.Đông	2018-2019	0,78km	28	28		
17	Đường sản xuất phía sau xã Thượng Lộ	N.Đông	2018-2019	1,83km	85	85		
18	Trường MN A Ngo	A.Lưới	2018-2019	2 khối nhà 488m2/5 PH	192	192		
19	Trường tiểu học A Ngo	A.Lưới	2018-2019	2 tầng/4 PH+2 PCN	162	162		
I.c	Công trình khởi công mới năm 2019				94,121	94,121	0	
1	Các tuyến đường trục thôn xã Phong Thu	P.Điền	2019-2020	3,2km, nền đường 5m, mặt đường 3m	1,020	1,020		
2	Trường THCS Lê Văn Miến	P.Điền	2019-2020	379m2, 2 tầng PCN và PLV	820	820		
3	Đường liên thôn Cổ Xuân - Quảng Lộc - Quảng Lợi, xã Phong Xuân	P.Điền	2019-2020	1,5km, nền đường 5m, mặt đường 3,5m	650	650		
4	Trường MN Phong Xuân 2 (cơ sở Xuân Lộc)	P.Điền	2019-2020	796m2; 2 tầng/6 PH	3,000	3,000		
5	Các tuyến đường trục thôn xã Phong Xuân	P.Điền	2019-2020	1,75km, nền đường 5m, mặt đường 3m	480	480		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
6	Hội trường đa năng kết hợp nhà văn hóa xã Điện Môn	P.Điện	2019-2020	305m2/150 chỗ	1,500	1,500		
7	Hệ thống đê nội đồng xã Phong Bình	P.Điện	2019-2020	2km	2,124	2,124		
8	Đường Hương thôn, xã Điện Hòa	P.Điện	2019-2020	4km	3,313	3,313		
9	Đường giao thông nội đồng giữa hai bầu HTX An Xuân, xã Quảng An	Q.Điện	2019-2020	0,87km; nền 4m, mặt 2,5m	271	271		
10	Trường mầm non Kim Thành, Phú Thanh (hạng mục: các phòng chức năng, phòng GDNT, khu giáo dục thể chất...)	Q.Điện	2019-2020	1 tầng/PCN, PGDNT, KGDTCT	440	440		
11	Đường Ruộng Cung-Cầu Giữa, xã Quảng Thành	Q.Điện	2019-2020	0,5km; nền 3,75m, mặt 2,75m	140	140		
12	Đường Ngoại Lộ - Tây Quảng Thành, xã Quảng Thành	Q.Điện	2019-2020	504m; nền 4-5m, mặt 3,5m	312	312		
13	Đường giao thông Thanh Hà, Phú Ngạn, Thủy Điện, xã Quảng Thành	Q.Điện	2019-2020	1,178km; nền 4m, mặt 3m	1,043	1,043		
14	Đường nhà thờ họ Phạm, xã Quảng Lợi	Q.Điện	2019	1,014km; nền 4,5m, mặt 3m	212	212		
15	Đường Côn Sơn - Hà Lạc, xã Quảng Lợi	Q.Điện	2019-2020	1,3km; nền 4m, mặt 3m	847	847		
16	Đường nội đồng Miếu Ông đến đường Phạm Quang Ái, xã Quảng Lợi	Q.Điện	2019-2020	919m; nền 4m, mặt 3m	605	605		
17	Đường khu tái định cư thôn Tân Thành (giai đoạn 1), xã Quảng Công	Q.Điện	2019-2020	645,4m; nền 5m, mặt 3,5m	387	387		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
18	Hệ thống các trường mầm non Xuân Dương, Đông Phú (hạng mục: các phòng chức năng, khu giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật, bếp ăn...)	Q.Điền	2019-2020	1 tầng/PCN, PGDNT, KGDTC, bếp	1,348	1,348		
19	Đường từ nhà ông Tân đến Tây Hải (giai đoạn 2), xã Quảng Ngạn	Q.Điền	2019-2020	1,659km; nền 5m, mặt 3,5m	1,135	1,135		
20	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường từ Phước Thanh-Phú Lương B, xã Quảng An	Q.Điền	2019-2020	1,965km; nền 4,5m, mặt 3m	1,458	1,458		
21	Đường nội đồng Chùa thôn Cổ Tháp, xã Quảng Lợi	Q.Điền	2019	0,5km; nền 4m, mặt 3m	300	300		
22	Đường Đình Thủy Lập, xã Quảng Lợi	Q.Điền	2019-2020	963m; nền 5m, mặt 3,0m	590	590		
23	Đường trục thôn Lai Hà, xã Quảng Thái	Q.Điền	2019-2020	0,4km; nền 5m, mặt 3,5m	216	216		
24	Trường mầm non Quảng Thái: hạng mục phòng chức năng	Q.Điền	2019	157m2; 1 tầng/1PCN	425	425		
25	Trường Tiểu học Quảng Thái: hạng mục nhà vệ sinh, khu giáo dục thể chất,...	Q.Điền	2019	267m2; NVS, khu GDTC	403	403		
26	Trường mầm non Quảng Lợi (hạng mục: các phòng chức năng, phòng GDNT, khu giáo dục thể chất)	Q.Điền	2019-2020	1 tầng/PCN, PGDNT, KGDTC	1,058	1,058		
27	Trường Mầm non Sao Mai 2 (giai đoạn 2)	Q.Điền	2019-2020	1 tầng/3PH + nhà bếp+khu hiệu bộ	2,082	2,082		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
28	Trường mầm non Phú Dương	P.Vang	2019-2020	815m2, 2 tầng/6 PH, cổng, tường rào	3,000	3,000		
29	Kênh dẫn Phú Dương - Phú Mỹ	P.Vang	2019-2020	0,5km kênh, hệ thống xi phông và 3 cống; tưới 40ha Phú Dương và 60ha Phú Mỹ	527	527		
30	Đường Bà Nghè còn lại, đường từ ngã ba Tây Sáo đến Đạt Ngẩn, xã Phú Thanh	P.Vang	2019-2020	1,72km; nền 3,5m, mặt 2,5m	1,007	1,007		
31	Kênh Cây Gai nối tiếp, kênh Thái Phú, Vinh Thái	P.Vang	2019-2020	1,9km và các cống; tưới 62ha lúa	1,230	1,230		
32	Nhà văn hóa và khu thể thao trung tâm xã Vinh Thái	P.Vang	2019-2020	739m2/200 chỗ	1,500	1,500		
33	Đường giao thông nội đồng T8 (đoạn từ cầu mụ Vàng đến đê đập sông thôn 2 và đoạn từ cống số 2 đến cống Lâu), xã Vinh Hà	P.Vang	2019-2020	2,07km; nền 4m, mặt 3m	1,886	1,886		
34	Tuyến nội đồng nối đường Lụng thôn Diên Đại, xã Phú Xuân	P.Vang	2019-2020	0,96km; nền 3,5m, mặt 2,5m	446	446		
35	Trường tiểu học Phú Diên 2, xã Phú Diên	P.Vang	2019-2020	620m2, 2 tầng/8 PH	2,425	2,425		
36	Đường Phú Môn - Châu Thành, Lộc An	P.Lộc	2019-2020	0,6km	700	700		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
37	Đường giao thông nội đồng thôn Hòa Mậu	P.Lộc	2019	0,58km	200	200		
38	Đường trục chính nội đồng ông Bông - ông Đông, Lộc Hòa	P.Lộc	2019	0,36km	100	100		
39	Nhà văn hóa và khu thể thao trung tâm xã Lộc Hòa	P.Lộc	2019-2020	250 chỗ, sân bóng	1,500	1,500		
40	Nâng cấp, mở rộng đường vào trường Tiểu học Vinh Giang đến đội 8	P.Lộc	2019-2020	1,7 km	1,600	1,600		
41	Đập thủy lợi A. Chuân, xã Vinh Hải	P.Lộc	2019-2020	1,02km	220	220		
42	Đường giao thông Bắc Khe dài, Lộc Hòa	P.Lộc	2019	0,15km, tràn, cống	160	160		
43	Đường nội đồng kết hợp thủy lợi thôn 2, thôn 3 xã Vinh Hải (Bến Dừa và ông Lễ)	P.Lộc	2019-2020	0,78km	260	260		
44	Đường liên thôn 3-4 (nhà ông Cảnh - ông Liệu nhà Văn hóa thôn 4), Vinh Hải	P.Lộc	2019-2020	1,88km	1,800	1,800		
45	Đường liên thôn 1-2-3 (giai đoạn 3), Vinh Hải	P.Lộc	2019-2020	0,72km	400	400		
46	Đường bê tông thôn An Bằng - Nam Phước	P.Lộc	2019-2020	0,86km	408	408		
47	Đường bê tông xóm trạng thôn Cảnh Dương, Lộc Vĩnh	P.Lộc	2019-2020	0,8km	244	244		
48	Đường giao thông từ trường cấp 3 đến cổng chào thôn Phước An, Lộc Tiến	P.Lộc	2019-2020	1,39km	916	916		
49	Đường thôn 8 xã Thượng Long đi xã Thượng Nhật	N.Đông	2019-2020	2 km cấp phối (nền 4m, mặt 3m); công trình trên tuyến	1,535	1,535		
50	Đường sản xuất A Kỳ xã Thượng Long (giai đoạn 3)	N.Đông	2019-2020	2 km cấp phối (nền 4m, mặt 3m); công trình trên tuyến	1,754	1,754		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
51	Nhà văn hóa xã Thượng Long	N.Đông	2019-2020	200 chỗ	1,300	1,300		
52	Đường dân sinh thôn 2, Hương Hữu	N.Đông	2019-2020	1,5 km cấp phối (nền 4,5m, mặt 3m); công trình trên tuyến	879	879		
53	Đường sản xuất thôn 4 đến đầu thôn 8 xã Thượng Long	N.Đông	2019-2020	2 km cấp phối (nền 4m, mặt 3m); công trình trên tuyến	638	638		
54	Đường từ khu tái định cư đến vùng sản xuất xã Hương Sơn (giai đoạn 2)	N.Đông	2019-2020	1 km cấp phối (nền 4m, mặt 3m); công trình trên tuyến	505	505		
55	Đường sản xuất đi khe Biên thôn 6-7 xã Thượng Long	N.Đông	2019-2020	1,4 km cấp phối (nền 4m, mặt 3m); công trình trên tuyến	1,352	1,352		
56	Đường giao thông cụm 5 thôn 11 xã Hương Hòa	N.Đông	2019-2020	1,78km; nền 4m, mặt 3m	2,140	2,140		
57	Đường sản xuất thôn A Bả, xã Nhâm	A.Luới	2019	997m (nền 4m, mặt 3m)	258	258		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
58	Đường sản xuất thôn A Hư, xã Nhâm	A.Luối	2019	544m (nền 4m, mặt 3m)	265	265		
59	Đường sản xuất thôn Tà Kêu, xã Nhâm	A.Luối	2019	687m (nền 5m, mặt 3,5m)	300	300		
60	Kênh mương xã Hương Lâm	A.Luối	2019-2020	1,065km	600	600		
61	Đường vào vùng sản xuất Ca Xing, thôn A So2, xã Hương Lâm	A.Luối	2019-2020	751m (nền 4m, mặt 3m)	600	600		
62	Đường bê tông từ ông A Tunh đến nhà ông Lê Văn Anh, xã Hồng Bắc	A.Luối	2019	460m (nền 4m, mặt 3m)	207	207		
63	Đường vào khu sản xuất Lê Lộc 2 - Tân Hối	A.Luối	2019-2020	2,27km	2,370	2,370		
64	Nhà văn hóa trung tâm xã Hương Lâm	A.Luối	2019-2020	478m2/200 chỗ	1,500	1,500		
65	Đường bê tông liên thôn Việt Tiến - A Nor, xã Hồng Kim	A.Luối	2019-2020	580m (nền 5,5m, mặt 3,5m)	1,440	1,440		
66	Hệ thống nước sạch xã Hồng Thủy	A.Luối	2019	4.570m ống cấp nước	260	260		
67	Trường TH-THCS Hồng Thủy	A.Luối	2019-2020	470m2, 2 tầng/6 PH	1,330	1,330		
68	Đường nội đồng Phở Tư - họ Dương (Thuận Hòa), xã Hương Phong	H.Trà	2019-2020	1,034km; nền 4,5m, mặt 2,5m	1,510	1,510		
69	Trường mầm non Hương Phong, xã Hương Phong (hạng mục: nhà 2 tầng/4 phòng học)	H.Trà	2019-2020	375m2; 2 tầng/4 PH	2,640	2,640		
70	Trung tâm văn hóa xã Hương Phong	H.Trà	2019-2020	321m2/200 chỗ	1,700	1,700		
71	Trung tâm văn hóa xã Hương Thọ	H.Trà	2019-2020	490m2/200 chỗ	1,700	1,700		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
72	Trường tiểu học Hương Thọ, xã Hương Thọ	H.Trà	2019-2020	300m2; 2 tầng/6 PH	2,100	2,100		
73	Trường mầm non Hương Thọ (cơ ở chính), xã Hương Thọ	H.Trà	2019-2020	410m2; 2 tầng/6 PH	2,970	2,970		
74	Trường mầm non Bình Điền, xã Bình Điền	H.Trà	2019-2020	410m2; 2 tầng/6 PH	3,000	3,000		
75	Trạm bơm điện 15 (Vân Quật Đông), xã Hương Phong	H.Trà	2019-2020	TB điện 27m2 và kênh dẫn	690	690		
76	Trung tâm văn hóa xã Bình Điền	H.Trà	2019-2020	500m2/254 chỗ	1,700	1,700		
77	Trường tiểu học Bình Điền	H.Trà	2019-2020	542m2; 2 tầng/6 PH	2,150	2,150		
78	Đường bê tông liên thôn xã Phú Sơn	H.Thủy	2019-2020	1,5km; nền 4m, mặt 3m	170	170		
79	Nhà văn hóa xã Thủy Vân	H.Thủy	2019-2020	568m2/312 chỗ	1,000	1,000		
80	Trường THCS Thủy Thanh	H.Thủy	2019-2020	694m2, 2 tầng/6 PH	2,100	2,100		
I.d	Các chương trình theo Quyết định của TTCP				4,750	4,750	0	
I.d2	Thực hiện Đề án hỗ trợ phát triển hợp tác xã nông nghiệp theo các Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 27/4/2018 và Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của TTCP				1,250	1,250	0	
1	Hệ thống cấp nước phục vụ sản xuất tập trung xã Điện Hòa (hạng mục: Hệ thống kênh tưới tiêu đồng ruộng)	P.Điền	2019-2020	Xây mới 4 tuyến kênh mương dài 2.621 m; 12 cửa lấy nước phục vụ tưới 89 ha lúa 2 vụ	1,250	1,250		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
I.d3	Thực hiện Dự án mô hình thí điểm về bảo vệ môi trường theo Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 26/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ				3,500	3,500	0	
1	Dự án thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế	Q.Điền	2019-2020	Xây dựng mới 775 điểm đặt và 775 thùng chứa bằng composite và cải tạo 320 bể chứa bằng BTCT hiện có	3,500	3,500		
II	Khởi công mới năm 2020				147,885	147,885	0	
1	Trường Mầm non Phong Sơn 1	P.Điền	2019-2020	505m2; 1 tầng/2 PH+2 PCN và khu hiệu bộ	2,880	2,880		
2	Các tuyến đường trục thôn xã Phong Sơn (giai đoạn 2)	P.Điền	2019-2020	2.912m đường BT, công trình trên tuyến	2,070	2,070		
3	Đường giao thông kết hợp trồng màu thôn 3 xã Điền Hòa	P.Điền	2019-2020	1.151m đường BT, công trình trên tuyến	1,200	1,200		
4	Hệ thống đê nội đồng xã Điền Môn	P.Điền	2019-2020	3.041m đê bao kết hợp giao thông nội đồng	3,150	3,150		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
5	Hệ thống đê nội đồng xã Phong Chương	P.Điền	2019-2020	5.266m đê bao kết hợp giao thông nội đồng	3,200	3,200		
6	Hệ thống đê nội đồng xã Điền Hương	P.Điền	2019-2020	1.183m đê bao, 1 trạm bơm + 354m kênh	3,200	3,200		
7	Hệ thống thoát nước thải khu dân cư trung tâm xã Phong Hải	P.Điền	2019-2020	217m kênh + cống qua đường	650	650		
8	Trường mầm non Quảng Ngạn (hạng mục: các phòng chức năng, khu giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật, bếp ăn...)	Q.Điền	2019-2020	392m2/1 tầng/PHB, PGDNT, Bếp	2,350	2,350		
9	Điện ra khu sản xuất vùng nuôi trồng thủy sản (gđ2), xã Quảng Công	Q.Điền	2019-2020	1 TBA 160KVA và đường dây	550	550		
10	Đường GT nội đồng từ An Xuân đến Mai Dương (Thạch Bàn-Thủ Mối), xã Quảng An, huyện Quảng Điền	Q.Điền	2019-2020	493m đường BT, công trình trên tuyến	750	750		
11	Trường THCS Lê Xuân (hạng mục: các phòng chức năng, sân nền kết hợp sân chơi bãi tập, nhà vệ sinh...)	Q.Điền	2019-2020	256m2/1 tầng/PCN, khu GDTC, NVS	2,150	2,150		
12	Đường nhà ông Cẩn đến nhà ông Tuấn (Trầm Ngang), xã Quảng Thái, huyện Quảng Điền	Q.Điền	2019-2020	763m đường BT, công trình trên tuyến	1,150	1,150		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
13	Đường Bến Miếu-Trung Làng, xã Quảng Thái, huyện Quảng Điền	Q.Điền	2019-2020	372m đường BT, công trình trên tuyến	570	570		
14	Đường Kênh Cộ (bờ hữu), xã Quảng Thái, huyện Quảng Điền	Q.Điền	2019-2020	843m đường BT, công trình trên tuyến	1,120	1,120		
15	Hệ thống đường giao thông nội đồng tuyến ông Dương Tâm, ông Long, ông Tai, ông Cử, ông Hứa, ông Bàng, xã Quảng Ngạn, huyện Quảng Điền	Q.Điền	2019-2020	1.549m đường BT, công trình trên tuyến	2,750	2,750		
16	Đường Tây Hoàng-Trang Trại, xã Quảng Thái, huyện Quảng Điền	Q.Điền	2019-2020	1.505m đường BT, công trình trên tuyến	1,990	1,990		
17	Đê bao nội đồng Bạch Đằng, xã Quảng Phước (giai đoạn 1)	Q.Điền	2019-2020	1.448m đường BT, công trình trên tuyến	2,300	2,300		
18	Nâng cấp trạm bơm Bàu Bang và đê bao nội đồng La Vực (Quảng Thành) - Bàu Bang (Quảng An) (giai đoạn 1)	Q.Điền	2019-2020	Nâng cấp 1 TB và gia cố các tuyến đê bao, sửa chữa, xây mới các công tiêu trên đê	2,570	2,570		
19	Đê bao nội đồng Cồn Rò (Quảng Thọ) - Vũng Diếc (Quảng Vinh) (giai đoạn 1)	Q.Điền	2019-2020	474m đê + cống	2,160	2,160		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
20	Đê bao nội đồng Kên, Đạt Nhất, Mẫu Ngân, xã Quảng An	Q.Điền	2019-2020	Gia cố các tuyến đê bao, sửa chữa, xây mới các công tiêu trên đê	1,970	1,970		
21	Trạm bơm tiêu + TBA phục vụ sản xuất nông nghiệp và NTTS ven phá Tam Giang	Q.Điền	2019-2020	2 TB tiêu, kênh tiêu và công trình trên kênh; 01 TBA và hệ thống cấp điện	1,290	1,290		
22	Đường nội đồng Đội 1, xã Quảng Công, huyện Quảng Điền	Q.Điền	2019-2020	429m đường BT, công trình trên tuyến	750	750		
23	Đường Cồn Hoang Trạm bơm Đông Phước 2, xã Quảng Phước, huyện Quảng Điền	Q.Điền	2019-2020	1.126m đường BT, công trình trên tuyến	1,580	1,580		
24	Trường Mầm non Sao Mai 2 (giai đoạn 2)	Q.Điền	2019-2020	1 tầng/3 PH, bếp, khu HB	3,080	3,080		
25	Xây dựng mới đường trục dọc nội đồng Khánh Mỹ, Vinh Xuân	P.Vang	2019-2020	1.093m đường BT, công trình trên tuyến	1,480	1,480		
26	Xây dựng mới đường thôn Mỹ Khánh, Phú Diên	P.Vang	2019-2020	1.512m đường BT, công trình trên tuyến	1,570	1,570		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
27	Đường giao thông liên xã đoạn từ thôn Đông Đỗ, xã Phú Hồ đến thôn Đông A, xã Phú Lương	P.Vang	2019-2020	Xây mới, mở rộng 2.815m đường BT, công trình trên tuyến	4,000	4,000		
28	Đường từ Quốc lộ 49 đến khu dân cư sông đầm thôn 3, xã Vinh Thanh	P.Vang	2019-2020	895m đường BT, công trình trên tuyến	1,730	1,730		
29	Hệ thống tưới tự chảy Phú Lương 2, xã Phú Lương	P.Vang	2019-2020	3.505m kênh; công trình trên tuyến	1,700	1,700		
30	Hệ thống tưới tự chảy vùng Triều Thủy, Phú An	P.Vang	2019-2020	2.838m kênh; công trình trên tuyến	1,700	1,700		
31	Trường MN Phú Mậu 1	P.Vang	2019-2020	776m2, 2 tầng/6 PH	2,800	2,800		
32	Đường giao thông liên thôn từ nhà ông Phước - ông Vũ	P.Lộc	2019-2020	543m đường BT, công trình trên tuyến	670	670		
33	Nhà văn hóa xã Lộc Bình	P.Lộc	2019-2020	480m2/250 chỗ	2,500	2,500		
34	Nhà văn hóa xã Xuân Lộc	P.Lộc	2019-2020	450m2/250 chỗ	2,500	2,500		
35	Nhà văn hóa xã Vinh Giang	P.Lộc	2019-2020	456m2/250 chỗ	2,500	2,500		
36	Đường Xóm trên (từ QL49B cạnh nhà ô. Châu đến nghĩa địa), xã Vinh Giang	P.Lộc	2019-2020	591m đường BT, công trình trên tuyến	800	800		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
37	Đường bê tông thôn Thủy Yên Thôn, xã Lộc Thủy	P.Lộc	2019-2020	1.114m đường BT, công trình trên tuyến	1,370	1,370		
38	Đường giao thông thôn 3, xã Vinh Mỹ (từ nhà ông Sâm đến nhà ông Mai Giới)	P.Lộc	2019-2020	310m đường BT, công trình trên tuyến	560	560		
39	Đường giao thông nội đồng Trung Tiến, xã Lộc Tiến	P.Lộc	2019-2020	639m đường BT, công trình trên tuyến	1,000	1,000		
40	Đường sản xuất Thượng Nhật đi Hương Hòa	N.Đông	2019-2020	1.390m đường BT và cấp phối; công trình trên tuyến	2,705	2,705		
41	Đường bê tông thôn Ta Rung, xã Hương Sơn	N.Đông	2019-2020	1.083m đường BT; công trình trên tuyến	2,300	2,300		
42	Đường sản xuất A2 đến T7, xã Hương Sơn	N.Đông	2019-2020	1.598m đường cấp phối; công trình trên tuyến	3,850	3,850		
43	Đường từ cầu Khe Môn đến vùng sản xuất thôn 3, xã Hương Lộc	N.Đông	2019-2020	767m đường cấp phối; công trình trên tuyến	1,490	1,490		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
44	Nhà văn hóa xã Hương Hữu	N.Đông	2019-2020	434,5m2/200 chỗ	2,500	2,500		
45	Đường liên thôn Ka Tư, xã Hương Phú	N.Đông	2019-2020	1.869m đường BT; công trình trên tuyến	2,700	2,700		
46	Hệ thống thủy lợi Khe Môn, xã Hương Lộc	N.Đông	2019-2020	Đập đầu mối và 2,45km đường ống dẫn nước	2,650	2,650		
47	Đường sản xuất thôn 6, xã Thượng Quảng	N.Đông	2019-2020	873m đường cấp phối; công trình trên tuyến	1,900	1,900		
48	Đường vào rừng sản xuất xã Sơn Thủy	A.Luới	2019-2020	1.031m đường cấp phối; công trình trên tuyến	2,250	2,250		
49	Đường vào khu sản xuất Ta Ve, xã Hương Nguyên	A.Luới	2019-2020	420m đường cấp phối; công trình trên tuyến	1,040	1,040		
50	Trường MN A Roàng	A.Luới	2019-2020	1 tầng/4 PH	3,280	3,280		
51	Nhà văn hóa xã Hồng Thượng	A.Luới	2019-2020	432m2/250 chỗ	2,500	2,500		
52	Nhà văn hóa xã Bắc Sơn	A.Luới	2019-2020	478m2/200 chỗ	2,500	2,500		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
53	Đường giao thông thôn Pa Ring - Càn Sâm, xã Hồng Hạ	A.Luoi	2019-2020	995m đường BT; công trình trên tuyến	1,680	1,680		
54	Nâng cấp sửa chữa tuyến đê bao nội đồng Bàu Lãng và Cồn Ràng, xã Hương Phong	H.Trà	2019-2020	1,18km đê và hệ thống cống	1,400	1,400		
55	Nâng cấp sửa chữa tuyến đê bao nội đồng kết hợp giao thông đê Bàu Đông - Bàu Sen và đê Vân Cù - cầu ông Đá, xã Hương Toàn	H.Trà	2019-2020	2,52km đê	1,600	1,600		
56	Đường trục xã từ QL49B cũ - đường ven phá Tam Giang, xã Hải Dương	H.Trà	2019-2020	142m đường BTXM	820	820		
57	Nâng cấp đê bao nội đồng ngăn lũ chống úng, xã Hương Vinh	H.Trà	2019-2020	1,3km	1,400	1,400		
58	Trường THCS Thủy Bằng	H.Thủy	2019-2020	600m2, 2 tầng/6 PH	3,600	3,600		
59	Trường MN Hoa Hướng Dương	H.Thủy	2019-2020	1.070m2, 1 tầng/8 PH	5,200	5,200		
II.2	Các chương trình theo Quyết định của TTCP				22,710	28,210	0	
II.2.1	Thực hiện Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp thuộc các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được phê duyệt tại Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ				10,370	10,370	0	
1	Công trình nước sinh hoạt xã Hồng Vân (từ A Lung đến UBND xã Hồng Vân, thôn Ka Cú 1)	A.Luoi	2019-2020	xây dựng mới bể lắng và đường ống cấp nước HDPE, ống thép	990	990		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
2	Hàng rào trường Mầm non CS 2 đúc trụ kéo thép Thôn Mu nú - Ta Rá xã Hương Nguyên	A.Luối	2019-2020	xây dựng mới hàng rào dài 97m, đúc trụ kéo thép B40	230	230		
3	Kênh mương hóa thủy lợi thôn A Roàng 1, xã A Roàng (từ đường quốc phòng đến nhà A Viết Thợ)	A.Luối	2019-2020	xây dựng mới 359m kênh mương	230	230		
4	Đập và kênh mương thủy lợi thôn Parit-KaVin, xã A Đót (từ ruộng ông Giang đến ruộng ông Tri)	A.Luối	2019-2020	xây dựng mới đập và 528m kênh mương	475	475		
5	Kênh mương thủy lợi thôn Chi Đu-Nghĩa, xã Hương Nguyên (từ khe Kim Quy đến ruộng Phạm Văn Bía)	A.Luối	2019-2020	xây dựng mới đập, bể lắng và 311m kênh	295	295		
6	Đường trục thôn Lê Triêng-A Niêng 1, xã Hồng Trung (từ Quỳnh Nghi đến Hồ Văn Hồng)	A.Luối	2019-2020	422m đường BT và công trình trên tuyến	1,140	1,140		
7	Đường trục thôn Mu Nú-Ta Rá, xã Hương Nguyên (từ nhà ông Lê Văn Hình đến Lê Thị Mơ)	A.Luối	2019-2020	178m đường BT và công trình trên tuyến	235	235		
8	Công trình nước sinh hoạt xã Hồng Vân (từ A Lung đến UBND xã Hồng Vân, thôn Kê)	A.Luối	2019-2020	xây dựng mới đường ống HDPE và ống thép dài khoảng 1km	980	980		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
9	Đường nội đồng thôn Ka Rôn-A Ho, xã A Roàng (từ Kăn Đê đến đôi cu Thông)	A.Luối	2019-2020	233m đường cấp phối và công trình trên tuyến	465	465		
10	Đường vào khu sản xuất (thôn Ka Va) xã Đông Sơn (chung cả 3 thôn)	A.Luối	2019-2020	652m đường cấp phối và công trình trên tuyến	710	710		
11	Đường dân sinh thôn Ka Lô, xã A Roàng (từ Hồ Văn Nhan đến Hồ Vun Nét)	A.Luối	2019-2020	328m đường BT và công trình trên tuyến	370	370		
12	Đường trục thôn, xã A Roàng (từ nhà Thộ đến Kăn Táp)	A.Luối	2019-2020	244m đường BT và công trình trên tuyến	345	345		
13	Đường dân sinh thôn Chi Hòa, xã A Đót (từ nhà ông Tiếp đến nhà ông Bên)	A.Luối	2019-2020	297m đường BT và công trình trên tuyến	495	495		
14	Đường trục thôn La Tung, xã A Đót (từ nhà ông Ai đến nhà ông Bắc)	A.Luối	2019-2020	317m đường BT và công trình trên tuyến	495	495		
15	Đường trục thôn Đụt-Lê Triêng 2, xã Hồng Trung (từ Phạm Thái Viêt đến Hồ Văn Biên)	A.Luối	2019-2020	337m đường BT và công trình trên tuyến	500	500		
16	Đường dân sinh thôn Mu Nủ-Ta Rá, xã Hương Nguyên (Từ nhà Nguyên Đình Chung đến Nguyên Đình Biên)	A.Luối	2019-2020	151m đường BT và công trình trên tuyến	290	290		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
17	Đường sản xuất thôn Kê 2-Là Ngà, xã Hồng Thủy (từ nhà ông Hưu đến suối Li Leng)	A.Luới	2019-2020	891m đường cấp phối và công trình trên tuyến	1,130	1,130		
18	Nâng cấp thủy lợi A Tàu, thôn A min C9, xã A Roàng	A.Luới	2019-2020	cải tạo đập, bể lắng và 450m ống	500	500		
19	Đường trục thôn A Rí, xã Hương Nguyên (từ nhà ông Trần Văn Thai đến Nguyễn Văn Túc)	A.Luới	2019-2020	368m đường BT và công trình trên tuyến	495	495		
II.2.2	Thực hiện Đề án hỗ trợ phát triển hợp tác xã nông nghiệp theo các Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 27/4/2018 và Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của TTCP				17,840	17,840	0	
1	Hệ thống đê nội đồng Hói Nậy, Hói Tôm, xã Phong Chương (công kết hợp giao thông đê hói Nậy, hói Tôm)	P.Điện	2019-2020	0,2 km đê, cống ngăn lũ cho 75ha lúa	400	400		
2	Trạm bơm tưới tiêu xã Phong Hòa	P.Điện	2019-2020	sửa chữa 1,5 km kênh + 1 TB tiêu 50 ha lúa	900	900		
3	Trạm bơm Cầu Còm và kênh Hiền Lương, xã Phong Hiền	P.Điện	2019-2020	sửa chữa 0,5 km kênh + 1 nhà TB tưới 50 ha lúa	400	400		
4	Trạm bơm Xóm Bò, xã Phong An	P.Điện	2019-2020	sửa chữa 0,5 km kênh + 1 TB tưới 55 ha lúa	500	500		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
5	Hệ thống thủy lợi xã Phong Sơn (Trạm bơm Bù Mạ)	P.Điền	2019-2020	1 TB tưới 50 ha lúa và lạc	500	500		
6	Kiên cố hoá kênh mương Trạm bơm Đông Phước 1, xã Quảng Phước	Q.Điền	2019-2020	2 km	1,400	1,400		
7	Kiên cố hoá kênh mương Trạm bơm Trường Mười, Bọt Đen, Mỹ Xá 2, xã Quảng An	Q.Điền	2019-2020	1,3 km	1,050	1,050		
8	Kiên cố hoá kênh mương các tuyến: Đạt Nhất, Đạt Ba Trên, Năm Mẫu, Quai Vạt, Lỗ Chép-Trường 5, xã Quảng Thành	Q.Điền	2019-2020	2,2 km	1,750	1,750		
9	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đê Kênh Mới (bờ tả) kết hợp giao thông nội đồng, xã Quảng Thái	Q.Điền	2019-2020	0,4 km	1,440	1,440		
10	Hỗ trợ đầu tư hệ thống đê bao đồng ruộng: Nâng cấp đê Đập Sông, xã Vinh Hà	P.Vang	2019-2020	nâng cấp 0,8 km đê ngăn lũ tiểu mãn cho 120 ha lúa	1,700	1,700		
11	Hỗ trợ đầu tư kiên cố hóa kênh mương nội đồng: Kiên cố hóa kênh mương nội đồng phục vụ vùng trồng lúa	P.Lộc	2019-2020	sửa chữa 923m kênh, xây mới 406m kênh; công trình trên tuyến	1,100	1,100		
12	Dự án trạm bơm Thống Nhất, kênh mương đầu mối, HTX Đông Toàn.	H.Trà	2019-2020	Xây dựng mới TB tưới và 245m kênh, 378 m dây điện hạ thế	800	800		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
13	Dự án kiên cố hóa kênh mương tuyến Bình Nguyên - Nê, tuyến ruộng Thượng, HTX Tây Toàn	H.Trà	2019-2020	Xây dựng mới, nâng cấp 653m kênh	400	400		
14	Dự án kiên cố hóa kênh mương tuyến Mộc Bài - Thượng Lộ Đồng Giữa, HTX Thuận Hòa, xã Hương Phong	H.Trà	2019-2020	Xây dựng mới, nâng cấp 814m kênh và công trình trên tuyến	800	800		
15	Dự án hỗ trợ đầu tư nâng cấp tuyến đê bao nội đồng HTX Thanh Phước, xã Hương Phong	H.Trà	2019-2020	Nâng cấp 2,77km đê và công trình trên tuyến	1,200	1,200		
16	Dự án hỗ trợ đầu tư nâng cấp tuyến đê bao Ruộng Đóng	H.Thủy	2019-2020	Nâng cấp 487m đê và công trình trên tuyến	320	320		
17	Dự án hỗ trợ đầu tư nâng cấp tuyến đê cống Bàu Chủ Nhỏ	H.Thủy	2019-2020	Nâng cấp 21m đê và công trình trên tuyến	105	105		
18	Dự án hỗ trợ đầu tư nâng cấp tuyến đê bao nội đồng Thầy Thuốc	H.Thủy	2019-2020	Nâng cấp 666m đê và công trình trên tuyến	165	165		
19	Dự án hỗ trợ đầu tư nâng cấp tuyến đê bao Nhái Lan Xả Bàu	H.Thủy	2019-2020	Nâng cấp 1km đê, trồng cỏ gia cố mái đê	820	820		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
20	Dự án hỗ trợ đầu tư nâng cấp tuyến Đê Công Giữa ra trạm bơm Mếu	H.Thủy	2019-2020	Nâng cấp 338m đê, lát mái tẩm đan BTCT và công trình trên tuyến	670	670		
21	Dự án hỗ trợ đầu tư nâng cấp tuyến đê vùng Ô Bàu Dưới	H.Thủy	2019-2020	Nâng cấp 1,3km đê và công trình trên tuyến	1,420	1,420		
B	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững				81,707	55,432	26,275	
B1	Vốn sự nghiệp				26,275		26,275	Giao UBND tỉnh phân khai chi tiết vốn sự nghiệp
B2	Công trình hạ tầng				55,432	55,432		
I	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo				31,590	31,590	0	
I.1	Công trình chuyển tiếp				823	823	0	
a	Công trình khởi công năm 2017				248	248	0	
1	Đường TL4 đi các thôn Lương Mai, Nhất Phong, Mỹ Phú, Trung Thạnh, Phong Chương	P.Điện	2017-2018	3.078m	187	187		
2	Hệ thống giao thông khu dân cư chợ Điện Hương	P.Điện	2017-2018	864m	16	16		
3	Đường nội đồng nối chợ Cồn Gai đến thôn 14, xã Quảng Công	Q.Điện	2017-2018	594m	8	8		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
4	Đường Sơn Công (giai đoạn 2), xã Quảng Lợi	Q.Điện	2017-2018	981m	12	12		
5	Đường từ tỉnh lộ 4B - thôn Trung Làng, xã Quảng Thái	Q.Điện	2017-2018	1.133m	25	25		
b	Công trình khởi công năm 2018				75	75	0	
1	Trạm bơm Mạc Nậy+Vìn, xã Phong Bình	P.Điện	2018-2019	1 TB tiêu 15ha và tưới 15ha lúa 02 vụ; tuyến đê dài 1.095m	25	25		
2	Đường giao thông nông thôn vào vùng kinh tế trang trại Xóm Bầu	P.Điện	2018-2019	793m	6	6		
3	Đường Hậu Phường - Đạt sét (Giai đoạn 2)	Q.Điện	2018-2019	621m	25	25		
4	Đường thôn Mai Dương, xã Quảng Phước	Q.Điện	2018-2019	476m	14	14		
5	Đường thôn An Xuân - Phú Lương B; thôn Phước Thanh	Q.Điện	2018-2019	890m	5	5		
c	Công trình khởi công mới năm 2019				500	500	0	
1	Cổng, tường rào trạm y tế xã Điện Hương	P.Điện	2019-2020	165m, mái tôn, đường nội bộ, sân bê tông	50	50		
2	Đường giao thông khu dân cư thôn 4, xã Điện Hòa	P.Điện	2019-2020	511m; nền 5m, mặt 3m	20	20		
3	Đường vào Hồ Đồng Bào, xã Quảng Lợi	Q.Điện	2019-2020	673m; nền 5m, mặt 3,5m	100	100		
4	Đường thôn Hà Công, xã Quảng Lợi	Q.Điện	2019-2020	859m; nền 4m, mặt 3m	50	50		
5	Đường Cảng Hộ Lê, xã Quảng Thái	Q.Điện	2019-2020	440m; nền 5m, mặt 3,5m	50	50		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
6	Đường bê tông ra khu sản xuất thôn 1, thôn 2 (giai đoạn 4), xã Quảng Ngạn	Q.Điện	2019-2020	408m; nền 4-5m, mặt 3,5m	100	100		
7	Đường thôn Khuông Phò, Thủ Lễ 2, xã Quảng Phước	Q.Điện	2019-2020	543m; nền 3-4,5m, mặt 2.5-3m	40	40		
8	Đường Ruộng Chùa, thôn Mỹ Xá, xã Quảng An	Q.Điện	2019-2020	493m; nền 4m, mặt 3,5m	90	90		
I.2	Công trình khởi công mới năm 2020				14,411	14,411	0	
1	Cầu Trung Thạnh, xã Phong Bình	P.Điện	2019-2020	dài 4,8m, rộng 4m; tải trọng 0,65xHL93	800	800		
2	Kênh thoát lũ kết hợp tiêu úng khe Nhi Tây, xã Điện Hương (giai đoạn 1)	P.Điện	2019-2020	365m kênh; công trình trên tuyến	640	640		
3	Hạ tầng cánh đồng liền vùng xã Điện Môn	P.Điện	2019-2020	514m kênh; công trình trên tuyến	500	500		
4	Đường giao thông nội đồng Mụ Ả (HTX Đông Phú), xã Quảng An, huyện Quảng Điện	Q.Điện	2019-2020	630m đường BT, công trình trên tuyến	700	700		
5	Đường Đất Cát - Khu Hào, xã Quảng Thành	Q.Điện	2019-2020	907m đường cấp phối, công trình trên tuyến	850	850		
6	Đường ra nhà ông Bê, thôn Thủy Lập, xã Quảng Lợi, huyện Quảng Điện	Q.Điện	2019-2020	226m đường BT, công trình trên tuyến	300	300		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
7	Đường Tây Hoàng-Lai Hà (Đường xóm 8), xã Quảng Thái, huyện Quảng Điền	Q.Điền	2019-2020	488m đường BT	551	551		
8	Đường bê tông ra khu sản xuất thôn 3, thôn Vĩnh Tu và thôn 13, xã Quảng Ngạn, huyện Quảng Điền	Q.Điền	2019-2020	475m đường BT, công trình trên tuyến	900	900		
9	Đường bê tông thôn 3 từ TL10D ông La Dương đến phá	P.Vang	2019-2020	463m đường BT, công trình trên tuyến	800	800		
10	Đường bê tông từ nhà ông Tín đến nhà ông Thanh thôn Nghĩa Lập	P.Vang	2019-2020	520m đường BT, công trình trên tuyến	1,000	1,000		
11	Xây dựng mới tuyến nối đường cụm 3 đi Vinh Thanh	P.Vang	2019-2020	466m đường BT, công trình trên tuyến	900	900		
12	Đường bê tông thôn Mong C - Mong A	P.Vang	2019-2020	388m đường BT, công trình trên tuyến	800	800		
13	Đường bê tông từ trường mầm non xuống khu nuôi trồng thủy sản thôn Xuân Thiên Thượng	P.Vang	2019-2020	484m đường BT, công trình trên tuyến	700	700		
14	Đường giao thông nội đồng Bàu tròn - Kế Sung	P.Vang	2019-2020	628m đường BT, công trình trên tuyến	980	980		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
15	Đường bê tông nội đồng tuyến sân bóng Ngõ Đa Lộc Sơn	P.Vang	2019-2020	434m đường BT, công trình trên tuyến	700	700		
16	Đường nhà mẹ, xã Vinh Giang	P.Lộc	2019-2020	363m đường BT, công trình trên tuyến	650	650		
17	Đường nội đồng kết hợp thủy lợi thôn 2, thôn 3 (Bến Dừa và ông Lễ), Vinh Hải	P.Lộc	2019-2020	272m đường BT, 123m đường cấp phối; công trình trên tuyến	650	650		
18	Cải tạo nâng cấp chợ Mỹ Lợi, xã Vinh Mỹ	P.Lộc	2019-2020	Khoảng 200m2	690	690		
19	Tuyến giao thông nội đồng từ khe Vụng Lồng đến chợ Lộc Bình	P.Lộc	2019-2020	315m đường BT, công trình trên tuyến	650	650		
20	Đường giao thông từ gò Lãng - nhà ông Khuyến, xã Lộc Vĩnh	P.Lộc	2019-2020	558m đường cấp phối, công trình trên tuyến	650	650		
I.3	Các công trình khởi công mới năm 2020: Phần bổ sung				21,156	21,156	0	
	Huyện Phong Điền	P.Điền			4,800	4,800	0	
1	Đường giao thông liên thôn Rú Hóp - Đông Trung Tây Hồ, xã Phong Bình	P.Điền	2019-2020	600m đường BT (nền đường 5m, mặt 3m); công trình trên tuyến.	950	950		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
2	Đường từ Tỉnh lộ 4 ra khu dân cư thôn Chính An, xã Phong Chương	P.Điền	2019-2020	665m đường BT (nền đường 5m, mặt 3m); công trình trên tuyến.	950	950		
3	Đường giao thông nội đồng phục vụ sản xuất, xã Điền Hương	P.Điền	2019-2020	Xây dựng 02 tuyến đường cấp phối có tổng chiều dài 1.800m (nền, mặt đường rộng 3m); công trình trên tuyến.	950	950		
4	Hệ thống điện hạ thế phục vụ sản xuất trang trại ở xã Điền Môn	P.Điền	2019-2020	Đường dây trung thế và hạ thế khoảng 2.000 m và 01 trạm biến áp	950	950		
5	Đường dân sinh kết hợp sản xuất thôn 10 xã Điền Hòa	P.Điền	2019-2020	800m đường BT (nền đường 5m, mặt 3m); công trình trên tuyến.	1,000	1,000		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
	Huyện Quảng Điền	Q.Điền			4,800	4,800	0	
1	Đường bê tông liên thôn Hà Lạc - Sơn Công, xã Quảng Lợi	Q.Điền	2019-2020	550m (nền đường 4m, mặt đường 3m); công trình trên tuyến	1,000	1,000		
2	Đường bê tông thôn Tây Thành, thôn Thành Trung, xã Quảng Thành	Q.Điền	2019-2020	720m (nền đường 4m, mặt đường 3m); công trình trên tuyến	1,050	1,050		
3	Đường bê tông từ cầu Đông Hồ đến đường ông Rỷ, thôn Đông Xuyên, xã Quảng An	Q.Điền	2019-2020	419m (nền đường 4m, mặt đường 3m); công trình trên tuyến	900	900		
4	Đường bê tông từ Tỉnh lộ 4 đến vùng trang trại Tây Hoàng, xã Quảng Thái	Q.Điền	2019-2020	614m (nền đường 4m, mặt đường 3m); công trình trên tuyến	900	900		
5	Đường giao thông thôn 1, xã Quảng Ngạn	Q.Điền	2019-2020	600m đường cấp phối đá dăm (nền đường 4m, mặt đường 2,5-3m); công trình trên tuyến	950	950		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
	Huyện Phú Vang	P.Vang			6,756	6,756	0	
1	Đường bê tông thôn Phường 2 và thôn Phường 5, xã Vinh Hà	P.Vang	2019-2020	800m (nền đường 4m, mặt đường 3m); công trình trên tuyến	1,098	1,098		
2	Đường bê tông thôn Mộc Trụ, xã Vinh Phú	P.Vang	2019-2020	400m (nền đường 4m, mặt đường 3m); công trình trên tuyến	732	732		
3	Đường bê tông từ nhà ông Trương Đãi đến nhà ông Nguyễn Ngọc Trung thôn Trung Định Hải, xã Vinh An	P.Vang	2019-2020	420m (nền đường 4m, mặt đường 3m); công trình trên tuyến	1,154	1,154		
4	Đường bê tông thôn Mong C - Mong A, xã Vinh Thái	P.Vang	2019-2020	440m (nền đường 4m, mặt đường 3m); công trình trên tuyến	823	823		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
5	Đường bê tông thôn Mai Vĩnh, xã Vinh Xuân	P.Vang	2019-2020	580m (nền đường 3,5m, mặt đường 2,5m); công trình trên tuyến	874	874		
6	Đường bê tông Đội 7, Đội 10, thôn Ba Lăng, xã Phú Xuân	P.Vang	2019-2020	610m (nền đường 3,5m, mặt đường 2,5m); công trình trên tuyến	914	914		
7	Sửa chữa cổng, hàng rào trường THCS Phú Diên, xã Phú Diên	P.Vang	2019-2020	Sửa chữa cổng; tháo dỡ hàng rào hiện có, xây mới 480m	1,161	1,161		
	Huyện Phú Lộc	P.Lộc			4,800	4,800	0	
1	Đường Nam Trường 1, xã Vinh Giang (giai đoạn 2)	P.Lộc	2019-2020	650m đường BT (nền đường 5m, mặt 3m); công trình trên tuyến.	960	960		
2	Đường giao thông liên thôn 1, 2 (từ nhà ông Hoàng đến nghĩa trang vùng khu III), xã Vinh Hải	P.Lộc	2019-2020	660m đường BT (nền đường 5m, mặt 3,5m); công trình trên tuyến.	1,100	1,100		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
3	Cổng, tường rào trạm Y tế và trường Mầm non, xã Vinh Mỹ	P.Lộc	2019-2020	Trạm Y tế: Xây mới cổng, hàng rào chiều dài 151m; hệ thống điện chiếu sáng; xây dựng nhà để xe diện tích 40m2. Trường: Xây dựng nhà bảo vệ diện tích 9m2; Nhà cầu nối diện tích 95m2; Cải tạo sân chơi cho trẻ, diện tích 410m2	830	830		
4	Cổng, hàng rào trạm Y tế, xã Lộc Bình	P.Lộc	2019-2020	Xây dựng mới cổng hàng rào dài 184m; sân, đường nội bộ với diện tích 1.040 m2	750	750		
5	Đường giao thông từ QL49 đến nhà ông Tuấn, xã Lộc Bình	P.Lộc	2019-2020	90m đường BT (nền đường 4m, mặt 3m); công trình trên tuyến.	210	210		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
6	Đường giao thông thôn Bình An 1, xã Lộc Vĩnh (từ ngã 4 - Trường THCS Lộc Vĩnh)	P.Lộc	2019-2020	455m đường BT nhựa (nền đường, mặt 5m); công trình trên tuyến.	950	950		
B2	Dự án 2: Chương trình 135				19,042	19,042	0	
I	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; các thôn bản đặc biệt khó khăn				19,042	19,042		
I.1	Công trình chuyển tiếp				1,659	1,659		
a	Công trình khởi công năm 2018				210	210		
	Các xã đặc biệt khó khăn				210	210		
1	Trường tiểu học Hồng Thái (giai đoạn 2)	A.Luới	2018-2019	1 tầng/4PH	20	20		
2	Đường vào khu sản xuất A Pró (giai đoạn 2)	A.Luới	2018-2019	723 cấp phối	20	20		
3	Trường MN Hoa Phong Lan	A.Luới	2018-2019	1 tầng/3PH + nhà bếp	50	50		
4	Trường MN A Đốt	A.Luới	2018-2019	1 tầng/3PH + nhà bếp	20	20		
5	Nhà hiệu bộ Trường Tiểu học Hồng Tiến, xã Hồng Tiến	H.Trà	2018-2019	336m2/2 tầng	100	100		
b	Công trình khởi công mới 2019				1,449	1,449		
b1	Các xã đặc biệt khó khăn				1,049	1,049		
1	Nhà sinh hoạt công đồng thôn Ka Lô, xã A Roàng	A.Luới	2019-2020	1CT/2 tầng	50	50		
2	Kênh mương thủy lợi A Rom, thôn A Tia 1	A.Luới	2019-2020	614m	40	40		
3	Đường sản xuất từ thôn A Hư đến Nhâm 2, xã Nhâm	A.Luới	2019-2020	880m; nền 4m, mặt 3m	100	100		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
4	Đường sản xuất thôn Cân Tôm, Cân Sâm	A.Luối	2019-2020	1.364m cấp phối; nền 4m, mặt 3m	160	160		
5	Đường nối thôn Lê Ninh đến nhà ông Thanh, xã Hồng Bắc	A.Luối	2019-2020	480m; nền 5-5,5m, mặt 3,5-4,5m	100	100		
6	Đường sản xuất từ bể nước sinh hoạt đến nhà ông Quỳnh Non	A.Luối	2019-2020	661m cấp phối; nền 5m, mặt 3,5m	50	50		
7	Đường vào khu sản xuất A Pan, xã Hương Nguyên (giai đoạn 1)	A.Luối	2019-2020	363m cấp phối; nền 5m, mặt 3,5m	150	150		
8	Đường bê tông thôn 4, 5, xã Hồng Thủy (giai đoạn 1)	A.Luối	2019-2020	351m; nền 5m, mặt 3,5m	200	200		
9	Đường bê tông thôn 7, xã Hương Hữu	N.Đông	2019-2020	830m; nền 4m, mặt 3m	49	49		
10	Đường sản xuất A Kỳ, xã Thượng Long (giai đoạn 2)	N.Đông	2019-2020	1.004m; nền 4m, mặt 3m	50	50		
11	Đường sản xuất thôn 5, xã Hương Hữu	N.Đông	2019-2020	296m; nền 4m, mặt 3m	50	50		
12	Đường bê tông thôn 2, 5 xã Thượng Long	N.Đông	2019-2020	353m; nền 4m, mặt 3m	50	50		
b2	Các thôn đặc biệt khó khăn				400	400	0	
1	Hệ thống kênh mương nội đồng thôn A Ngo, xã A Ngo	A.Luối	2019-2020	659m	50	50		
2	Đường giao thông thôn A So 2, xã Hương Lâm	A.Luối	2019-2020	277m; nền 4m, mặt 3m	50	50		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
3	Đường giao thông thôn Ba Lạch, xã Hương Lâm	A.Luối	2019-2020	100m; nền 4m, mặt 3m	50	50		
4	Đường giao thông thôn Liên Hiệp, xã Hương Lâm	A.Luối	2019-2020	277m; nền 4m, mặt 3m	50	50		
5	Đường sản xuất từ đèo mẹ ơ đến khe Plell thôn Cân Tôm, xã Hồng Hạ	A.Luối	2019-2020	309m; nền 4m, mặt 3m	50	50		
6	Nâng cấp, sửa chữa trường tiểu học Hồng Hạ, thôn Pa Hy, xã Hồng Hạ	A.Luối	2019-2020	135m2, 2 PH	50	50		
7	Đường GTNT miếu Xóm, thôn Tân An Hải	P.Lộc	2019-2020	0,32km	50	50		
8	Cổng, tường rào trường mẫu giáo (cơ sở Phúc Lộc)	P.Lộc	2019-2020	0,5km	50	50		
c	Công trình khởi công mới 2020				6,796	6,796	0	
c1	Các xã đặc biệt khó khăn				5,126	5,126	0	
1	Trường mầm non Hồng Thái	A.Luối	2019-2020	CT phụ trợ	600	600		
2	Đường vào khu sản xuất Ấr Té (giai đoạn 2)	A.Luối	2019-2020	348m đường cấp phối, công trình trên tuyến	400	400		
3	Đường nội đồng thôn Đút 1	A.Luối	2019-2020	0,4km	400	400		
4	Đường sản xuất thôn A Bả, xã Nhâm	A.Luối	2019-2020	508m đường cấp phối, công trình trên tuyến	476	476		
5	Đường sản xuất từ nhà ông Quỳnh Bảy đến khu sản xuất Ta Hùng	A.Luối	2019-2020	390m đường cấp phối, công trình trên tuyến	1,000	1,000		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
6	Đường vào khu sản xuất thôn Tru - Chaih	A.Luoi	2019-2020	449m đường cấp phối, công trình trên tuyến	650	650		
7	Đường bê tông từ nhà bà Lê Thị Hương đến nhà ông Hồ Văn Nghinh, thôn Tu Vay	A.Luoi	2019-2020	419m đường cấp phối; công trình trên tuyến	800	800		
8	Hệ thống thủy lợi xã Hồng Trung	A.Luoi	2019-2020	1.006m kênh	800	800		
c2	Các thôn đặc biệt khó khăn				1,670	1,670	0	
1	Đường dây điện xương cá khu dân cư Kazan, thôn Dổi, xã Thượng Lộ	N.Đông	2019-2020	Đường dây điện hạ thế dài 513m	280	280		
2	Đường giao thông nông thôn từ nhà ông Thành đến phá, thôn Tân An, xã Lộc Bình	P.Lộc	2019-2020	141m	290	290		
3	Nâng cấp các tuyến đường thôn Bò Hòn, xã Bình Thành (giai đoạn tiếp theo)	H.Trà	2019-2020	52m đường BT; 612m mương thoát nước và cống	300	300		
4	Nâng cấp, mở rộng các đường trục chính thôn Sơn Thọ, xã Hương Thọ	H.Trà	2019-2020	179m đường BT	300	300		
5	Bê tông hóa các tuyến đường thôn Phong Thu, bản Hạ Long, xã Phong Mỹ	P.Điện	2019-2020	500m	500	500		
d	Công trình khởi công mới 2020: Phần bổ sung				10,587	10,587	0	

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
d1	Các xã đặc biệt khó khăn				8,067	8,067	0	
	Huyện A Lưới	A.Lưới	2020		6,580	6,580	0	
1	Đường giao thông từ thôn A Hưa nối đường đi đèo A Biah	A.Lưới	2019-2020	500m đường BT (nền đường 4,5-5m, mặt đường 3m); công trình trên tuyến	860	860		
2	Đường vào khu sản xuất A Té (nối tiếp)	A.Lưới	2019-2020	500m đường BT (nền đường 4,5-5m, mặt đường 3m)	500	500		
3	Đường giao thôn Ka rông - A Ho (nối tiếp)	A.Lưới	2019-2020	400m đường BT (nền đường 4,5-5m, mặt đường 3m)	350	350		
4	Đường vào khu sản xuất thôn Ta ay, Hồng Trung	A.Lưới	2019-2020	800m đường cấp phối (nền đường 4m, mặt đường 3m); công trình trên tuyến	480	480		
5	Đường nội đồng thôn A Đeeng - Parleeng 1 và 2	A.Lưới	2019-2020	500m đường BT (nền đường 4,5-5m, mặt đường 3m)	550	550		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
6	Đường nội đồng vào khu sản xuất Tru - Chaih (nối tiếp)	A.Luối	2019-2020	500m đường BT (nền đường 4,5-5m, mặt đường 3m)	400	400		
7	Đường vào khu sản xuất Par ay Hồng Thủy	A.Luối	2019-2020	1,5km đường cấp phối (nền đường 4m, mặt đường 3m); công trình trên tuyến	1,400	1,400		
8	Mở rộng trường mầm non xã Hồng Thái	A.Luối	2019-2020	1 tầng/2 PH	860	860		
9	Mở rộng trường mầm non Hồng Vân	A.Luối	2019-2020	1 tầng/2 PH và các CT phụ trợ	1,180	1,180		
	Huyện Nam Đông	N.Đông			1,000	1,000	0	
10	Đường bê tông thôn 4, thôn 7, xã Hương Hữu	N.Đông	2019-2020	320m (nền đường 4m, mặt đường 3m); công trình trên tuyến	500	500		
11	Đường bê tông thôn 6, xã Thượng Long	N.Đông	2019-2020	250m (nền đường 3,5m, mặt đường 2,5m); công trình trên tuyến	500	500		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
	Thị xã Hương Trà	H.Trà			487	487	0	
12	Sửa chữa trường Tiểu học Hồng Tiến (cơ sở 2)	H.Trà	2019-2020	Sửa chữa khối nhà 1 PH diện tích khoảng 61m2, khối nhà 2 PH diện tích khoảng 103m2; Lát gạch sân, xây tường rào khoảng 66m	487	487		
d2	Các thôn đặc biệt khó khăn				2,520	2,520	0	
	Huyện A Lưới	A.Lưới			1,080	1,080	0	
1	Đường nội đồng thôn Ba Lạch, xã Hương Lâm	A.Lưới	2019-2020	250m đường BT (nền đường 4,5-5m, mặt 3m)	200	200		
2	Đường nội đồng thôn A So 2, xã Hương Lâm	A.Lưới	2019-2020	200m đường BT (nền đường 4,5-5m, mặt 3m)	200	200		
3	Đường vào khu sản xuất La Tinh, thôn Liên Hiệp, xã Hương Lâm	A.Lưới	2019-2020	500m đường BT (nền đường 4,5-5m, mặt 3m)	280	280		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
4	Đường sản xuất thôn Pa Hy, xã Hồng Hạ	A.Luoi	2019-2020	200m đường BT (nền đường 4,5-5m, mặt 3m)	200	200		
5	Đường nội đồng thôn Cân Tôm, xã Hồng Hạ	A.Luoi	2019-2020	250m đường BT (nền đường 4,5-5m, mặt 3m)	200	200		
	Huyện Nam Đông	N.Đông			180	180	0	
6	Đường sản xuất Pa Xây, thôn Dổi, xã Thượng Lộ	N.Đông	2019-2020	180m đường cấp phối (nền đường 4m, mặt đường 3m) có gia cố BTXM; công trình trên tuyến	180	180		
	Thị xã Hương Trà	H.Trà			360	360	0	
7	Nâng cấp, sửa chữa đường trục chính thôn Sơn Thọ, xã Hương Thọ	H.Trà	2019-2020	Nâng cấp 110m đường BT mặt 3,5m	180	180		
8	Nâng cấp các tuyến đường thôn Bò Hòn, xã Bình Thành	H.Trà	2019-2020	Nâng cấp 300m đường BT: Bù lè, mương rãnh thoát nước	180	180		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
	Huyện Phong Điền	P.Điền			360	360	0	
9	Bê tông hóa tuyến đường thôn Phong Thu, bản Hạ Long, xã Phong Mỹ	P.Điền	2019-2020	250m đường BT (nền đường 5m, mặt 3m); công trình trên tuyến.	360	360		
	Huyện Phú Lộc	P.Lộc			540	540	0	
10	Đường giao thông bản Phúc Lộc, xã Xuân Lộc	P.Lộc	2019-2020	295m đường BT (nền đường 5m, mặt 3,5m); công trình trên tuyến.	540	540		
C	Các dự án đầu tư từ nguồn vốn SXKT năm 2020 tỉnh Thừa Thiên Huế (10% để lại đầu tư xây dựng nông thôn mới theo quy định)	Tỉnh	2020		7,500	7,500	0	
1	Chỉnh trang khu Văn hóa - Thể thao trung tâm xã Quảng Phú	Q.Điền	2019-2020	San nền; chỉnh trang khuôn viên; xây mới bảng hiệu, cột cờ, kháng đài; trồng cây, san ủi mặt bằng sân bóng...	400	400		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
2	Công trình tường rào 8 thôn, xây dựng các bồn hoa, xã Quảng Thọ	Q.Điền	2019-2020	Xây mới, sửa chữa 560m tường rào bằng BT kết hợp trồng cây; xây mới, sửa chữa các bồn hoa NVH 8 thôn,...	400	400		
3	Nâng cấp đường trục thôn 10, thôn 11, xã Hương Hòa	N.Đông	2019-2020	582m đường BT (nền đường 4m, mặt đường 3m); công trình trên tuyến	800	800		
4	Đường mẫu thôn Hương Thịnh	A.Luới	2019-2020	870m đường BT: kè thoát nước, bồn hoa dọc tuyến	400	400		
5	Xây dựng tuyến đường sáng, xanh, sạch đẹp 04 tuyến tại thôn Quảng Hợp, 03 tuyến tại thôn Quảng Lộc	A.Luới	2019-2020	đường hoa, điện chiếu sáng	300	300		
6	Nâng cấp, sửa chữa chợ Đại Lộc, xã Điền Lộc	P.Điền	2019-2020	Thay mới mái tôn khối đỉnh chợ, xà gỗ, vì kèo; Xử lý chống	400	400		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
				thăm sê nô mái; thay mới hệ thống ống thoát nước mái; Quét vôi toàn bộ công trình.				
7	Chỉnh trang khu trung tâm xã (làm vỉa hè, trồng cây bóng mát và cây cảnh đoạn từ Trụ sở xã đến thôn Gia Viên), xã Phong Hiền	P.Điền	2019-2020	Xây mới vỉa hè, điện chiếu sáng, bê tông mặt đường, trồng cây bóng mát, cây cảnh, thoát nước... đoạn từ Trụ sở xã đến thôn Gia Viên dài khoảng 1.000m	600	600		
8	Xây dựng tuyến đường kiểu mẫu thôn Tây Thượng, xã Phú Thượng	P.Vang	2019-2020	Khoảng 500m: đổ bù BT mặt đường, sơn tường, làm mới bồn hoa, trồng cây cảnh	350	350		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
9	Sửa chữa tuyến đường ông Thịnh - cô Hồng; Sửa chữa tuyến đường trước đình làng Hòa Vang, xã Lộc Bồn	P.Lộc	2019-2020	Nâng cấp, sửa chữa 420m đường BT (nền đường 4m, mặt đường 3m)	450	450		
10	Sửa chữa tuyến đường ông Ngọc - Đỗ Anh, xã Vinh Hưng	P.Lộc	2019-2020	Nâng cấp, sửa chữa 210m đường BT (nền đường 4m, mặt đường 3m); tường chắn đất bằng đá hộc	300	300		
11	Xây dựng kênh mương thôn Nương Trung, xã Vinh Hưng	P.Lộc	2019-2020	Xây mới 65m kênh mương; đá đan tuyến kênh	100	100		
12	Đường giao thông nội đồng từ bụi tre 1 đến đường Nhái Lang Xá Bàu 1,2km	H.Thủy	2019-2020	750m đường BT (nền đường 3,5m, mặt đường 3m); công trình trên tuyến	800	800		

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						ĐTPT	SN	
13	Xây dựng cống quay phường Nam	H.Thủy	2019-2020	Cống quay 2,5x2,3m; đề dẫn 2 đầu cống rộng 3m	200	200		
14	Xây dựng tường rào và chống xuống cấp 8 phòng học trường tiểu học số 3 Hương Vinh, xã Hương Vinh	H.Trà	2019-2020	Lát gạch nền; thay cửa, sơn tường; Xây mới khoảng 217m tường rào	500	500		
15	Đường Hương thôn, xã Điền Hòa	P.Điền	2019-2020	704m	1,500	1,500		
D	Ngân sách tỉnh đối ứng (dự kiến)	Tỉnh	2020		205,015	205,015	0	Danh mục công trình theo KH2020 phần ngân sách tỉnh quản lý

Phụ lục 5

Kế hoạch 2020 chương trình mục tiêu “Hỗ trợ đồng bào dân tộc miền núi theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của TTCP phê duyệt Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020”

(Kèm theo Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

TT	Danh mục đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						Đầu tư phát triển	Sự nghiệp	
	TỔNG CỘNG				7,961	7,961	0	
I	Thanh toán khối lượng hoàn thành				780	780	0	
1	Cấp điện định canh định cư tập trung tại Khe Bùn xã A Ngo	A.Lưới	2008	1 HT	46	46		
2	Đường vào khu tái định cư Khe Bùn xã A Ngo	A.Lưới	2009	975m đường BT; nền 6m, mặt 3,5m	249	249		
3	Đường giao thông định canh định cư Cu Mực - Kăn Hoa, xã Hồng Hạ	A.Lưới	2011	2.452m đường BT; nền 5m, mặt 3,5m	11	11		
4	Đường giao thông vào điểm định canh định cư Tà Ay (Hạng mục: Nền, mặt đường và công trình trên tuyến)	A.Lưới	2011-2012	790m đường BT; nền 5,5m, mặt 3,5m	119	119		
5	Định canh định cư tập trung vùng Cu Mực - Kăn Hoa, xã Hồng Hạ, huyện A Lưới	A.Lưới	2014-2017	Đường giao thông, nước sinh hoạt, trường TH + nhà ở giáo viên + CT phụ, trường MG + CT phụ, san gạt nền nhà	167	167		

TT	Danh mục đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						Đầu tư phát triển	Sự nghiệp	
6	Định canh định cư tập trung La Tung, xã A Đót, huyện A Lưới	A.Lưới	2013-2014	Đường giao thông, nước sinh hoạt, san gạt nền nhà và khai hoang	23	23		
7	Định canh, định cư tập trung thôn 5, 6 xã Hồng Thủy (Hạng mục: Đường giao thông)	A.Lưới	2015-2016	1.733m đường BT và cấp phối; nền 4m, mặt 3m	165	165		
II	Khởi công mới năm 2020				7,181	7,181	0	
1	Dự án định canh định cư Cu Mực - Kăn Hoa, xã Hồng Hạ, huyện A Lưới (Hạng mục: Nhà sinh hoạt cộng đồng)	A.Lưới	2019-2020	165m2	1,200	1,200		
2	Dự án định canh định cư Ta Ay, xã Hồng Trung, huyện A Lưới (Hạng mục: Cấp nước sinh hoạt)	A.Lưới	2019-2020	1 HT cấp nước sinh hoạt cho 46 hộ	2,300	2,300		
3	Dự án định canh định cư thôn Ta Rì, xã Hương Hữu, huyện Nam Đông (Hạng mục: Nhà hóp thôn)	N.Đông	2019-2020		1,681	1,681		
4	Dự án định canh định cư thôn Ta Rì, xã Hương Hữu, huyện Nam Đông (Hạng mục: Mở rộng cấp nước sinh hoạt)	N.Đông	2019-2020		1,000	1,000		
5	Dự án định canh định cư bản Hạ Long, xã Phong Mỹ, huyện Phong Điền (Hạng mục: Đường nội bản tuyến 5km)	P.Điền	2019-2020		300	300		

TT	Danh mục đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Kế hoạch năm 2020			Ghi chú
					Tổng số	Trong đó		
						Đầu tư phát triển	Sự nghiệp	
6	Dự án định canh định cư bản Hạ Long, xã Phong Mỹ, huyện Phong Điền (Hạng mục: Đường ngầm qua suối A Đon 200m)	P.Điền	2019-2020		700	700		

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2019/NQ-HĐND

Thừa Thiên Huế, ngày 10 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về việc bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và kế hoạch đầu tư công năm 2020 tỉnh Thừa Thiên Huế

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Báo cáo số 326/BC-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và kế hoạch đầu tư công năm 2020 tỉnh Thừa Thiên Huế; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và kế hoạch vốn xây dựng cơ bản năm 2020 tỉnh Thừa Thiên Huế với những nội dung chủ yếu sau:

1. Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 cho các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương từ nguồn vốn dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và nguồn vốn 10.000 tỷ đồng điều chỉnh giảm nguồn vốn dự kiến bố trí cho các dự án quan trọng quốc gia với tổng mức vốn bố trí là 1.285 tỷ đồng.

2. Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 cho các dự án thuộc Đề án di dời dân cư, giải phóng mặt bằng khu vực 1 di tích Kinh thành Huế với tổng mức vốn bố trí là 700 tỷ đồng.

3. Bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2020 từ nguồn ngân sách trung ương với tổng mức vốn bố trí là 942,5 tỷ đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VII, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2019./.

CHỦ TỊCH

Lê Trường Lưu

Phụ lục
BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020 VÀ VỐN NSTW NĂM 2020
CHO CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN SỬ DỤNG DỰ PHÒNG CHUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020,
KHOẢN VỐN 10.000 TỶ ĐỒNG TỪ NGUỒN ĐIỀU CHỈNH GIẢM NGUỒN VỐN DỰ KIẾN BỐ TRÍ CHO
CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA VÀ CÁC DỰ ÁN THUỘC ĐỀ ÁN DI DỜI DÂN CƯ, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
KHU VỰC I KINH THÀNH HUẾ

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Th. gian KC-HT	Quyết định đầu tư; QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư			Bổ sung kế hoạch 2016-2020				Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
				Số QĐ; ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó				
					Tổng số	Tr. đó: NSTW		NS Trung ương	Vay kho bạc	NS tỉnh bổ sung		
	TỔNG CỘNG				4.371.863	2.992.077	1.985.000	1.285.000	200.000	500.000	942.500	
A	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG				3.615.269	2.992.077	1.285.000	1.285.000	0	0	942.500	
A.1	Dự án sử dụng nguồn vốn dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020				3.175.180	2.551.988	1.200.000	1.200.000			900.000	
I	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng				3.175.180	2.551.988	1.200.000	1.200.000			900.000	
	Dự án nhóm B				3.175.180	2.551.988	1.200.000	1.200.000			900.000	
1	Dự án Bảo tồn, tu bổ và tôn tạo hệ thống kinh thành Huế(hợp phần tu bổ, tôn tạo và ĐB, GPMB và tái định cư)	Huế	2016-2020	1918 ngày 14/9/2011 334 ngày 01/02/2019	2.503.192	1.880.000	800.000	800.000			800.000	ĐB, GPMB giai đoạn I: 1.880 tỷ đồng
2	Đường cứu hộ cứu nạn thị trấn Phong Điền-Điền Lộc	P.Điền	2012-2019	93 ngày 18/5/2017 157 ngày 19/01/2018	671.988	671.988	400.000	400.000			100.000	

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Th. gian KC-HT	Quyết định đầu tư; QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư			Bổ sung kế hoạch 2016-2020				Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
				Số QĐ; ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó				
					Tổng số	Tr. đó: NSTW		NS Trung ương	Vay kho bạc	NS tỉnh bổ sung		
A.2	Dự án sử dụng nguồn vốn 10.000 tỷ đồng điều chỉnh giảm nguồn vốn dự kiến bố trí cho các dự án quan trọng quốc gia				440.089	440.089	85.000	85.000			42.500	
I	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư				440.089	440.089	85.000	85.000			42.500	
	Dự án nhóm B				440.089	440.089	85.000	85.000			42.500	
1	Kè chống sạt lở bờ biển khu vực thôn An Dương, xã Phú Thuận, huyện Phú Vang, tỉnh TTH	P.Vang	2014-2020	2178 ngày 25/10/2013 799 ngày 28/3/2019	100.089	100.089	15.000	15.000			15.000	
2	Xử lý khẩn cấp khắc phục xói lở bờ biển Hải Dương và chỉnh trị luồng cảng Thuận An	P.Vang	2019-2020	800 ngày 28/3/2019	150.000	150.000	25.000	25.000			25.000	
3	Chuẩn bị đầu tư				190.000	190.000	45.000	45.000			2.500	
-	Kè chống sạt lở khẩn cấp bờ biển đoạn Phú Hải-Phú Diên	P.Vang	2019-2020		190.000	190.000	45.000	45.000			2.500	
B	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG				756.594	0	700.000	0	200.000	500.000	0	
I	Dự án đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư phục vụ di dời khu vực I Kinh thành Huế				756.594	0	700.000	0	200.000	500.000	0	
1	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc Hương Sơ (khu vực 3)	Huế	2019-2020	27 ngày 16/11/2019	131.685		120.000		100.000	20.000		

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Th. gian KC-HT	Quyết định đầu tư; QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư			Bổ sung kế hoạch 2016-2020				Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
				Số QĐ; ngày/tháng/năm	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó				
					Tổng số	Tr. đó: NSTW		NS Trung ương	Vay kho bạc	NS tỉnh bổ sung		
2	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc Hương Sơ (khu vực 4)	Huế	2019-2020	28 ngày 16/11/2019	131.221		120.000		100.000	20.000		
3	Trường MN Hương Sơ (gđ1), TP Huế	Huế	2019-2020	3103 ngày 03/12/2019	21.123		20.000			20.000		
4	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc Hương Sơ (khu vực 5)	Huế	2019-2020		115.252		110.000			110.000		
5	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc Hương Sơ (khu vực 6)	Huế	2019-2020		127.371		120.000			120.000		
6	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc Hương Sơ (khu vực 7)	Huế	2019-2020		119.972		110.000			110.000		
7	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc Hương Sơ (khu vực 8)	Huế	2019-2020		109.970		100.000			100.000		

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2019/NQ-HĐND

Thừa Thiên Huế, ngày 10 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng
và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước;

Xét Tờ trình số 8931/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2019./.

CHỦ TỊCH

Lê Trường Lưu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng
và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, bao gồm: Đầu tư xây dựng mới công trình tích trữ nước, hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, cống và kiên cố hóa kênh mương đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.

2. Đối tượng áp dụng: Cơ quan quản lý nhà nước; các tổ chức thủy lợi cơ sở, cá nhân là thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân) có liên quan trong đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; các tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 2. Mức hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình tích trữ nước

1. Hỗ trợ 70% chi phí thiết kế và chi phí máy thi công đối với tổ chức thủy lợi cơ sở đầu tư xây dựng công trình tích trữ nước ở địa bàn các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và các xã trong Chương trình 135 của Chính phủ, mức hỗ trợ tối đa không quá 85 triệu đồng/công trình;

2. Hỗ trợ 50% chi phí thiết kế và chi phí máy thi công đối với tổ chức thủy lợi cơ sở đầu tư xây dựng công trình tích trữ nước ở địa bàn các xã, phường, thị trấn còn lại, mức hỗ trợ tối đa không quá 60 triệu đồng/công trình;

3. Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình tích trữ nước được miễn tiền thuê đất khi nhà nước cho thuê đất xây dựng công trình.

Điều 3. Mức hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

1. Hỗ trợ 40% chi phí vật liệu, máy thi công và thiết bị để đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn, mức hỗ trợ tối đa không quá 40 triệu đồng/ha.

2. Hỗ trợ 40% chi phí san phẳng mặt ruộng, mức hỗ trợ tối đa không quá 10 triệu đồng/ha.

Điều 4. Mức hỗ trợ đầu tư xây dựng công nội đồng

1. Hỗ trợ 70% tổng giá trị đầu tư xây dựng công trình (không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng) tại các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và các xã trong Chương trình 135 của Chính phủ, mức hỗ trợ tối đa không quá 140 triệu đồng/công trình.

2. Hỗ trợ 50% tổng giá trị đầu tư xây dựng công trình (không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng) tại các xã, phường, thị trấn còn lại, mức hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/công trình.

Điều 5. Mức hỗ trợ đầu tư xây dựng kiên cố hóa kênh mương

1. Hỗ trợ 70% tổng giá trị đầu tư xây dựng công trình (không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng) tại các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và các xã trong Chương trình 135 của Chính phủ, mức hỗ trợ tối đa không quá 560 triệu đồng/1km chiều dài kênh.

2. Hỗ trợ 50% tổng giá trị đầu tư xây dựng công trình (không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng) tại các xã, phường, thị trấn còn lại, mức hỗ trợ tối đa không quá 400 triệu đồng/1km chiều dài kênh.

Điều 6. Mức hỗ trợ đầu tư xây dựng trạm bơm điện

Hỗ trợ 30% giá trị mua máy móc, thiết bị đầu tư xây dựng, mức hỗ trợ tối đa không quá 60 triệu đồng/công trình.

Điều 7. Kinh phí thực hiện

1. Nguồn vốn thực hiện:

a) Ngân sách trung ương hỗ trợ địa phương thực hiện chính sách thông qua chương trình, dự án trực tiếp hoặc lồng ghép trong các chương trình, dự án có liên quan;

b) Ngân sách tỉnh;

c) Ngân sách huyện;

d) Nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Cơ chế hỗ trợ:

a) Đối với các đối tượng trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và các xã trong Chương trình 135 của Chính phủ, ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% định mức hỗ trợ;

b) Đối với các xã, phường, thị trấn còn lại: ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% định mức hỗ trợ, phần còn lại do ngân sách các huyện, thị xã và thành phố Huế đảm bảo.

CHỦ TỊCH

Lê Trường Lưu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2019/NQ-HĐND

Thừa Thiên Huế, ngày 10 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 85/2019/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình và Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Mục tiêu phát triển

Tiếp tục đẩy mạnh mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu trên cơ sở khai thác thế mạnh, đặc thù của địa phương, ưu tiên phát triển ngành du lịch trên nền tảng phát huy giá trị di sản, văn hóa; phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin, nông nghiệp sạch, công nghệ cao; phát triển đô thị thông minh và bền vững. Đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đổi mới sáng tạo, xây dựng chính quyền điện tử. Phát triển kinh tế gắn với bảo đảm an sinh xã hội và bảo vệ môi trường. Đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động hệ thống chính trị gắn với phòng chống tham nhũng, lãng phí. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính; giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống.

Điều 2. Các chỉ tiêu chủ yếu

1. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng 7,5 - 8%.
2. Tổng sản phẩm trong tính bình quân đầu người (GRDP): trên 2.150 USD/người.
3. Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng từ 15% trở lên.
4. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 27.000 tỷ đồng.
5. Thu ngân sách nhà nước trên 8.565 tỷ đồng.

6. Mức giảm tỷ suất sinh 2‰, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 10,8/‰.
7. Tỷ lệ hộ nghèo giảm 0,5%.
8. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng dưới 7,6%.
9. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên 98%; tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc trên 94,6%, tự nguyện đạt 1,7%; tham gia bảo hiểm thất nghiệp đạt 94,6%.
10. Tỷ lệ lao động được đào tạo nghề đạt 66%; tạo việc làm mới 16.000 người.
11. Số giường bệnh trên 01 vạn dân (*không tính giường trạm y tế xã*) đạt 58,7 giường bệnh.
12. Tỷ lệ che phủ rừng: Ổn định 57,3%.
13. Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đạt 87%
14. Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom đạt 97%.
15. Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn môi trường đạt 30%.

Điều 3. Các chương trình và dự án trọng điểm

1. Các chương trình trọng điểm:
 - Chương trình phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật theo hướng xây dựng Thừa Thiên Huế thành thành phố trực thuộc Trung ương.
 - Chương trình di dời dân cư, giải phóng mặt bằng khu vực 1 Kinh Thành Huế.
 - Chương trình cải cách hành chính gắn liền với phát triển chính quyền điện tử, dịch vụ đô thị thông minh.
 - Chương trình phát triển du lịch - dịch vụ.

2. Danh mục các dự án trọng điểm: (*Phụ lục 01 và Phụ lục 02 đính kèm*).

Điều 4. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

Hội đồng nhân dân tỉnh cơ bản tán thành nhiệm vụ, giải pháp do Ủy ban nhân tỉnh trình, đồng thời yêu cầu tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau đây:

1. Rà soát lại các mục tiêu, chỉ tiêu, công trình, dự án trọng điểm của kế hoạch 5 năm (2016 - 2020) để bố trí nguồn lực, đôn đốc triển khai thực hiện. Phân công trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, đơn vị, người đứng đầu để tổ chức thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ còn lại trong năm 2020, phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV.

2. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế nhanh và bền vững

- Tổ chức đánh giá và xây dựng quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành được tích hợp vào hệ thống quy hoạch tỉnh. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật và hạ tầng du lịch. Đôn đốc tiến độ triển khai các dự án của các tập đoàn PSH, BRG, Savico, Laguna, Minh Viên; dự án công viên văn hóa đa năng Thủy Biều, cồn Dã Viên, chợ du lịch... Tiếp tục nghiên cứu xây dựng các tuyến phố đi bộ. Đẩy nhanh tiến độ di dời các trụ sở cơ quan nhà nước, đấu giá quyền sử dụng đất để kêu gọi đầu tư các sản phẩm du lịch cao cấp. Đầu tư hạ tầng hệ thống du lịch thông minh. Phát triển và nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch văn hóa di sản.

- Phát triển sản xuất công nghiệp theo hướng ưu tiên công nghiệp công nghệ cao; phát triển công nghiệp công nghệ thông tin và công nghiệp có lợi thế cạnh tranh, giá trị gia tăng cao. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án sản xuất công nghiệp tại Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, tích cực hỗ trợ các nhà đầu tư nghiên cứu dự án lắp ráp ô tô. Đẩy nhanh các dự án xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp Phong Điền, Phú Bài giai đoạn IV, Tứ Hạ để sẵn sàng kêu gọi các dự án đầu tư công nghiệp thứ cấp. Xây dựng đầu tư hệ thống xử lý nước thải, hạ tầng xã hội tại các khu công nghiệp.

Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi hỗ trợ đầu tư vào lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học. Khuyến khích đầu tư các dự án chế biến sâu từ nguyên liệu cát silic; chế biến thủy sản; sản xuất nguyên phụ liệu dệt may. Gắn các sản phẩm nghề, làng nghề với phát triển du lịch.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển nông nghiệp toàn diện, bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới. Phát triển các mô hình chuỗi liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản. Khuyến khích áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp sạch (*VietGAP*), sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Triển khai chương trình mỗi xã một sản phẩm (*OCOP*). Chủ động phòng chống dịch bệnh. Phát triển rừng gỗ lớn gắn với chứng chỉ rừng FSC. Thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng. Phấn đấu năm 2020, có thêm 7 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Hoàn thành mục tiêu xây dựng huyện nông thôn mới Quảng Điền, thị xã Hương Thủy.

3. Huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kinh tế - xã hội

Tập trung chỉ đạo, hỗ trợ các dự án trọng điểm: cao tốc Cam Lộ - La Sơn, dự án hầm đường bộ Hải Vân 2, mở rộng sân bay Phú Bài, đê chắn sóng cảng Chân Mây, đường Phong Điền - Điền Lộc, Phú Mỹ - Thuận An, chỉnh trang đô thị Huế, dự án Cải thiện môi trường nước thành phố Huế, "Chương trình phát triển các đô thị loại II (*các đô thị xanh*)... Tập trung hoàn thành các dự án tái định cư; phấn đấu hoàn thành di dời, giải phóng mặt bằng, tái định cư các hộ dân khu vực I, kinh thành Huế giai đoạn 1.

Ưu tiên huy động nguồn lực để triển khai các dự án tuyến đường ven biển, đường và cầu Nguyễn Hoàng qua sông Hương, đường Tố Hữu - sân bay Phú Bài, trùng tu di sản... Nghiên cứu cơ chế hỗ trợ có mục tiêu để phục hồi tôn tạo di tích cố đô Huế; cơ chế hợp tác công tư (PPP). Tiếp tục tăng cường công tác rà soát, giám sát tiến độ các dự án ngoài ngân sách.

Hoàn thành lập quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, định hướng 2050. Triển khai thực hiện các đề án, kế hoạch phục vụ cho việc phát triển đô thị thông minh bền vững gắn liền với xây dựng nếp sống văn minh đô thị.

Thực hiện đề án phát triển đô thị Huế đến năm 2030 gắn với việc mở rộng địa giới hành chính thành phố Huế, sắp xếp lại các đơn vị hành chính. Xây dựng Bộ tiêu chí đô thị di sản và cơ chế chính sách đặc thù về thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản Cố đô và bản sắc văn hoá Huế nhằm thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về "xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045".

4. Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Thực hiện các giải pháp duy trì và nâng cao xếp hạng các chỉ số PCI, PAPI, PAR Index. Triển khai đánh giá năng lực cạnh tranh các sở, ngành và địa phương cấp huyện (DDCI). Thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp thành lập mới.

Tăng cường công tác thu hút đầu tư, hỗ trợ, đôn đốc tiến độ triển khai. Kiên quyết xử lý các dự án vi phạm tiến độ đầu tư. Điều chỉnh quy định trình tự, thủ tục thực hiện, giám sát, quản lý dự án đầu tư và xây dựng không sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh. Hỗ trợ đẩy nhanh tiến độ các dự án đã cấp chứng nhận đầu tư: BRG, Ecopark, Văn Phú Invest...; hỗ trợ thành lập Hãng vận tải hàng không lửa hành Việt Nam.

Rà soát các dự án có vướng mắc còn tồn đọng để xử lý dứt điểm nhằm phát huy hiệu quả sử dụng đất, vốn đầu tư nhất là các dự án đầu tư khu đô thị tại Khu đô thị mới An Vân Dương; trục đường Lê Lợi, Nguyễn Huệ (thành phố Huế); các dự án nghỉ dưỡng ven biển.

5. Cơ cấu lại thu, chi ngân sách gắn với nâng cao hiệu quả quản lý.

Đảm bảo các nguồn lực phục vụ các dự án trọng điểm, huy động các nguồn lực phục vụ cho đầu tư phát triển; thực hiện hiệu quả chính sách thuế. Tăng cường khai thác nguồn thu vãng lai; kinh doanh qua mạng; bán đấu giá quyền sử dụng đất... Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính thuế, thực hiện các đề án chống thất thu thuế.

Thực hiện theo kế hoạch việc sắp xếp, sáp nhập, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập, giảm áp lực chi ngân sách nhà nước. Tiếp tục quản lý, điều hành chi ngân sách chặt chẽ, hiệu quả theo dự toán được giao. Tiếp tục đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

6. Phát triển văn hóa, xã hội hài hòa với phát triển kinh tế và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân

Hoàn thiện các thiết chế văn hóa: hệ thống bảo tàng, nhà hát, thư viện... Tăng cường quảng bá hình ảnh, thương hiệu điểm đến Huế. Gắn văn hoá với phát triển du lịch. Tiếp tục bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa Huế, làng nghề truyền thống, nâng cao chất lượng các lễ hội. Tiếp tục xây dựng Thừa Thiên Huế “Xanh - sạch - sáng”, “Thành phố bốn mùa hoa”. Tổ chức Festival Huế lần thứ XI với chủ đề “Huế luôn luôn mới”.

Thực hiện tốt mục tiêu phổ cập giáo dục; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và chất lượng mũi nhọn. Xây dựng đội ngũ cán bộ ngành giáo dục, đào tạo đảm bảo chuẩn hóa, đủ số lượng. Thực hiện mô hình “Trường học kiểu mẫu”. Thực hiện tốt Chương trình đổi mới sách giáo khoa. Nghiên cứu cơ chế và chính sách huy động nguồn lực cho Khu đô thị Đại học Huế tại Trường Bìa.

Chủ động phòng, chống dịch bệnh, không chế cơ bản các dịch lớn và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Nâng cao chất lượng y tế dự phòng, dịch vụ khám, chữa bệnh. Phát triển nguồn nhân lực y tế, nâng cao tinh thần thái độ phục vụ người bệnh. Xây dựng y tế trở thành ngành kinh tế quan trọng.

Đổi mới công tác đào tạo nghề. Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho lĩnh vực công nghệ thông tin và đổi mới sáng tạo. Đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, xuất khẩu lao động. Thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo theo hướng hiệu quả, thiết thực. Thực hiện tốt công tác người có công với cách mạng, bảo vệ, chăm sóc trẻ em, phòng, chống tệ nạn xã hội.

7. Bảo đảm quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng; bảo vệ môi trường và phòng, tránh thiên tai, biến đổi khí hậu

Triển khai tốt nhiệm vụ quân sự - quốc phòng địa phương năm 2020. Hoàn thành tốt kế hoạch diễn tập ở các cấp. Thực hiện tốt công tác tuyển quân năm 2020 đảm bảo chất lượng, số lượng trên giao. Làm tốt công tác bảo đảm an ninh, trật tự phục vụ Đại hội đảng các cấp. Tăng cường quốc phòng, an ninh, đặc biệt là các địa bàn trọng điểm; không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Mở các đợt cao điểm tấn công, kiểm chế các loại tội phạm và các tệ nạn xã hội, nhất là ma túy, cờ bạc, cho vay nặng lãi, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Tăng cường công tác đối ngoại, giữ vững quan hệ với các tỉnh bạn Lào.

Thực hiện có hiệu quả, đồng bộ công tác thanh, kiểm tra, phòng, chống tham nhũng; tập trung giải quyết dứt điểm các điểm nóng về khiếu nại, tố cáo đông người, kéo dài. Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 20/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp. Tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước. Nâng cao kỷ cương, kỷ luật hành chính; xử lý kịp thời, nghiêm minh những trường hợp vi phạm.

Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của toàn xã hội về bảo vệ tài nguyên, môi trường. Tăng cường công tác quản lý và chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh. Triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng, tránh thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

8. Xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật; xây dựng Chính phủ điện tử phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền.

Đẩy nhanh việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập. Xây dựng đề án sắp xếp, tổ chức lại các phòng, ban chuyên môn và đơn vị sự nghiệp trực thuộc. Tiếp tục triển khai sắp xếp các thôn, tổ dân phố có quy mô nhỏ.

Nâng cao hiệu quả của việc xây dựng chính quyền điện tử gắn với phát triển dịch vụ đô thị thông minh. Hoàn thiện mô hình Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp tỉnh, Trung tâm Hành chính công cấp huyện, mô hình một cửa Hành chính công cấp xã.

9. Đổi mới nhận thức về tư duy phát triển, thu hút đầu tư, phát triển nguồn nhân lực. Khơi dậy lòng tự hào, tình yêu quê hương đất nước, tạo sự đồng thuận trong toàn xã hội nhằm huy động các nguồn lực thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 5. Về một số nội dung do Ủy ban nhân dân tỉnh Hội đồng nhân dân tỉnh

Hội đồng nhân dân tỉnh cơ bản nhất trí với các nội dung do Ủy ban nhân dân tỉnh trình như sau:

1. Danh mục các dự án khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp và dự án công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh theo đề xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 9361/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2019.

2. Danh mục các dự án xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng nghề cá được sử dụng từ khoản tiền bồi thường của Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa.

3. Thống nhất phương án bán đấu giá tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với khu nhà đất tại số 49 và số 51 đường Hàm Nghi, thành phố Huế theo đề xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 9344/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2019.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Hội đồng nhân dân tỉnh kêu gọi toàn thể cán bộ, quân và dân trong tỉnh nêu cao tinh thần làm chủ, đoàn kết, nhất trí, phát huy những kết quả đạt được, huy động mọi nguồn lực, tạo chuyển biến đồng bộ và mạnh mẽ trên các lĩnh vực, phấn đấu thực hiện tốt nhất các nhiệm vụ kế hoạch năm 2020, hướng đến hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2016 - 2020.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VII, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2019./.

CHỦ TỊCH

Lê Trường Lưu

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC DỰ ÁN NGOÀI NGÂN SÁCH TRỌNG ĐIỂM NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án đầu tư	Nhà đầu tư/chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Tiến độ đến 30/10/2019
	Tổng số					90,754,833	
A	CÁC DỰ ÁN NGOÀI KCN, KKT					21,695,649	
I	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020					5,826,755	
A.1.1	Nhà máy thủy điện Thượng Nhật	Công ty cổ phần Đầu tư Thủy điện Miền trung Việt Nam	Huyện Nam Đông	Quý III/2016 - Quý I/2018	Công suất lắp máy: 7 MW	259,880	Thi công được 90% khối lượng. Tuy nhiên đang vướng mắc trong công tác GPMB
A.1.2	Nhà máy thủy điện Rào Trăng 3	Công ty cổ phần thủy điện Rào Trăng 3	Xã Phong Xuân, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế	Quý II/2016 - Quý IV/2018	Công suất lắp máy 13 MW, điện lượng trung bình hàng năm 42,132x106 Kwh	447,000	Đã thi công 75% khối lượng
A.1.3	Nhà máy Thủy điện Sông Bồ	Công ty cổ phần thủy điện Sông Bồ	Huyện A Lưới	Quý III/2017 - Quý III/2019	Công suất lắp máy: 15 MW	480,000	Đã thi công 50% khối lượng
A.1.4	Nhà máy điện mặt trời Phong Điền II	Công ty cổ phần Đầu tư Đoàn Sơn Thủy	Huyện Phong Điền	Quý II/2018 - Quý IV/2019		1,365,000	Đã thi công 75% khối lượng

STT	Tên dự án đầu tư	Nhà đầu tư/chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Tiến độ đến 30/10/2019
A.1.5	Dự án xây dựng nhà máy chế biến cát, bột thạch anh ít sắt chất lượng cao (Hue Premium Silica)	Công ty TNHH Premium Silica Huế	huyện Phong Điền	Gđ 1: 2018 - Quý II/2020	230.000 tấn sản phẩm/năm	588,000	Đang làm thủ tục thuê đất
A.1.6	Trung Tâm tổ chức sự kiện và dịch vụ du lịch sen trắng	Công ty TNHH Sen Trắng Huế	Thành phố Huế	Giai đoạn 1: Quý II/2017- Quý II/2018 Giai đoạn 2: Quý II/2020- Quý IV/2022		135,000	Đã đưa vào hoạt động giai đoạn 1 quý I/2019. Đang tiếp tục triển khai giai đoạn 2
A.1.7	Khu nghỉ dưỡng nước khoáng nóng Mỹ An	Công ty CP du lịch Mỹ An	Huyện Phú Vang	Quý I/2018- Quý II/2019		544,800	Dự kiến hoàn thành Tháng 3/2020
A.1.8	Khu văn phòng và nhà ở lô LK3	Công ty Cổ phần Bất động sản Minh Điền Vital	Thành phố Huế	2015-2018		602,005	Thi công 80% khối lượng
A.1.9	Khu ở căn hộ cao cấp, biệt thự đa chức năng, dịch vụ, thương mại tại các lô TM2, OTM2, OTM4 & BT	Công ty cổ phần ANINVEST	Thành phố Huế	2015-2023		1,024,334	Đã đầu tư hoàn thành một phần Khu đô thị và tiếp tục đầu tư theo quy hoạch được duyệt
A.1.10	Công viên nghĩa trang tại phường Hương An, thị xã Hương Trà	Công ty Cổ phần VIF An Lộc	Thị xã Hương Trà	2017-2019		260,736	Đang thực hiện thủ tục thuê đất

STT	Tên dự án đầu tư	Nhà đầu tư/chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Tiến độ đến 30/10/2019
A.1.11	Dự án phục dựng Thái Y Viện	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển đô thị Việt Hưng	Thành phố Huế	2017-2019		120,000	Đã cơ bản hoàn thành các thủ tục để triển khai xây dựng
II	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2020					7,459,894	
A.2.1	Dự án Công viên biển và bảo tàng Huế (Hue Amusement & Beach Park)	Tập đoàn PSH	Huyện Phú Vang	2017-2020		1,100,000	Đã hoàn thành GPMB, Đã khởi công ngày 21/9/2019
A.2.2	Dự án khu du lịch tại phường Hương Hồ	Công ty TNHH 01 TV Hue spirit Sanctuary	Thị xã Hương Trà	Quý IV/2017 Quý IV/2019		205,000	Đang GPMB, san lấp
A.2.3	Khu phức hợp Thủy Vân - GD 1,2	Công ty CP Apecland Huế	Thị xã Hương Thủy	2015-2023		1,593,974	Đã cơ bản hoàn thành xây dựng Khu A, đang tiến hành san lấp mặt Khu B, Khu C
A.2.4	Công viên nghĩa trang Vườn Địa Đàng	Công ty Cổ phần Nhật Tiến Huế	Thị xã Hương Thủy	2018-2019	26 ha	200,000	Đang thực hiện thủ tục thuê đất
A.2.5	Khu phức hợp du lịch nghỉ dưỡng và đô thị sinh thái biển Hải Dương	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển đô thị Việt Hưng	Thị xã Hương Trà			2,000,000	Đang thực hiện công tác GPMB, Quy hoạch 1/500 và ĐTM

STT	Tên dự án đầu tư	Nhà đầu tư/chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Tiến độ đến 30/10/2019
A.2.6	Khu du lịch Hàm Rồng	Công ty TNHH Hàm Rồng Phú Lộc Huế	Huyện Phú Lộc	Quý II/2019 Quý IV/2020		205,000	Đang làm thủ tục đầu tư xây dựng
A.2.7	Trang trại lợn nái Nam Sơn	Công ty CP Lâm nghiệp 1-5	Huyện Phong Điền	2018-2020	32,5 ha	139,611	Đang san lấp mặt bằng
A.2.8	Tổ hợp sản xuất, chế biến Nông sản hữu cơ tại thôn Đông Lái, xã Phong Thu, huyện Phong Điền	Công ty cổ phần Tập đoàn Quế Lâm	Huyện Phong Điền	2018-2020	15 ha	148,109	Đang triển khai công tác bồi thường GPMB
A.2.9	Trồng cam Kim Nguyên	Công ty cổ phần Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Kim Nguyên	Huyện Nam Đông	2018-2020	97 ha	70,200	Đang triển khai công tác bồi thường GPMB
A.2.10	DA Tổ hợp KS Huế Square	Cty TNHH QT Luks	TP Huế	2019-2021	997 m2	138,000	Đang điều chỉnh quy hoạch
A.2.11	NM xử lý rác thải SH Phú Sơn	Cty TNHH Năng lượng MT EB	TX H.Thủy	2019-2021	11,247 ha	1,660,000	Đang thực hiện thủ tục đầu tư và xây dựng
III	Các dự án khởi công mới năm 2020					8,409,000	
A.3.1	Vườn bách thảo trên sông	Công ty TNHH 1TV Tiến Đạt	Cồn lớn, Xã Hương Vinh, Hương Trà	2020-2021	Ươm cây xanh trồng khoảng 60.000 cây; ươm cây trong nhà có mái khoảng 1.000 cây	40,000	Đang thực hiện công tác GPMB

STT	Tên dự án đầu tư	Nhà đầu tư/chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Tiến độ đến 30/10/2019
A.3.2	Khách sạn, Dịch vụ du lịch, biệt thự nghỉ dưỡng và khu vui chơi giải trí tổng hợp	Công ty CP Giải trí tổng hợp Tam Giang	Huyện Phú Vang	2020-2024	110ha	4,168,000	Đang thực hiện công tác GPMB
A.3.3	Khu du lịch nghỉ dưỡng phát triển thể chất kết hợp vui chơi, thể thao Lộc Bình tại xã Vinh Hiền và xã Lộc Bình, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Văn Phú Resort - Lộc Bình	Huyện Phú Lộc	2020-2023	248ha	3,066,000	Đang thực hiện công tác GPMB
A.3.4	Khu dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng Cồn Sơn	Công ty TNHH Đầu tư dự án Đại Phú Lộc	Huyện Phú Vang	2020-2023	42ha	1,010,000	Đang lập quy hoạch chi tiết 1/500
A.3.5	Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao FAM – Thừa Thiên Huế	Công ty CP Sản xuất và Xuất nhập khẩu nông sản FAM	Huyện Phong Điền	2020-2020	99,5ha	125,000	Đang lập thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng rừng
B	CÁC DỰ ÁN TRONG KCN, KKT					68,659,184	
I	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020					1,832,000	
B.1.1	Nhà máy dệt Sunjin AT & C Vina	Công ty SunJin Property Magement LLC	Chân Mây - Lăng Cô	2020-2020		104,000	Vừa khởi công xây dựng

STT	Tên dự án đầu tư	Nhà đầu tư/chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Tiến độ đến 30/10/2019
B.1.2	Dự án sản xuất lò bể Frit công suất 65.000 tấn/năm	Công ty CP Frit Huế	Khu công nghiệp Phú Bài	2017-2019		172,000	Đang hoạt động 1 phần tiếp tục đầu tư giai đoạn tiếp theo
B.1.3	Sản xuất và gia công các loại sản phẩm gỗ	Công ty TNHH Lee&Park Wood Complex	Khu công nghiệp Phong Điền	2017-2018		154,000	Triển khai Giai đoạn II
B.1.4	NM chế xuất Billion MAX Việt Nam	Cty Billion Max	Chân Mây - Lăng Cô	2019 -2020		348,000	Chuẩn bị đầu tư giai đoạn II
B.1.5	Khu nghỉ dưỡng Huyền thoại Địa Trung Hải	Công ty CP Tập đoàn xây dựng và phát triển nhà Vicoland	Chân Mây - Lăng Cô	2016-2019		838,000	Đang triển khai thi công xây dựng
B.1.6	Khu biệt thự du lịch sinh thái biển Lăng Cô Spa Resort	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Du lịch Hồng Phúc	Chân Mây - Lăng Cô	2016-2019		216,000	Đang triển khai thi công xây dựng
B.1.7	Bến số 3-Cảng Chân Mây	Công ty TNHH Hào Hưng Huế	Chân Mây - Lăng Cô	2016-2018		846,000	Đã triển khai thi công được 85% khối lượng công việc

STT	Tên dự án đầu tư	Nhà đầu tư/chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Tiến độ đến 30/10/2019
II	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2020					61,312,000	
B.2.1	Laguna Lăng Cô	Công ty TNHH Laguna (Việt Nam)	Chân Mây - Lăng Cô			45,103,000	Đang triển khai giai đoạn II
B.2.2	Xây dựng hạ tầng khu CN và khu phi thuế quan Sài Gòn - Chân Mây	Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Huế	Chân Mây - Lăng Cô	2017-2023		2,583,000	Đang hoạt động
B.2.3	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Phong Điền-Viglacera	Tổng Công ty Viglacera-CTCP	Khu công nghiệp Phong Điền			1,100,000	Đã hoàn thành đợt 1 64 ha
B.2.4	Bến số 02 - Cảng Chân Mây	Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây	Chân Mây - Lăng Cô			850,000	Đang xây dựng cầu cảng, khối lượng thực hiện khoảng 45%
B.2.5	Khu Du lịch nghỉ dưỡng quốc tế Minh Viễn Lăng Cô	Công ty Cổ phần quốc tế Minh Viễn		2018-2024		7,728,000	Đang triển khai xây dựng
B.2.6	Dự án khu du lịch Suối Voi	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Hoa Lư - Huế	Chân Mây - Lăng Cô	2018-2020		218,000	Đã hoàn thành đền bù, GPMB khoảng 35 ha; tiếp tục GPMB 16 ha còn lại và lập thiết kế cơ sở và bản vẽ thi công

STT	Tên dự án đầu tư	Nhà đầu tư/chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Tiến độ đến 30/10/2019
B.2.7	Khu phức hợp du lịch dịch vụ Đăng Kim Long Thừa Thiên Huế	Công ty TNHH Đăng Kim Long	Chân Mây - Lăng Cô			3,730,000	Đang thực hiện thủ tục kiểm đếm GPMB
III	Các dự án khởi công mới năm 2020					5,515,184	
B.3.1	SX mũ thể thao và túi du lịch					140,000	Đang thi công xây dựng
B.3.2	Dự án Nhà máy Kanglongda Huế	Công ty Kanglongda International Holdings Limited	KCN Phong Điền	GD1: Quý I/2020-Quý I/2021; GD2: Quý I/2021-Quý I/2022; GD3: Quý I/2022-Quý I/2023		4,812,000	Đang thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư
B.3.3	NM chế xuất Billion MAX Việt Nam	Cty Billion Max	Chân Mây - Lăng Cô	2019 -2020		348,000	Chuẩn bị đầu tư giai đoạn II
B.3.4	Đầu tư xây dựng, quản lý và kinh doanh chợ truyền thống Lăng Cô	HTX Đầu tư khai thác và quản lý chợ Nam Việt - Lăng Cô	Thị trấn Lăng Cô, Phú Lộc	2020-2021	Chợ hạng 1 với 412 điểm kinh doanh	215,184	Đang hoàn chỉnh thủ tục đầu tư
C	CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG DỊCH VỤ HẬU CẦN NGHỀ CÁ (Sử dụng khoản bồi thường của Công ty TNHH Gang thép Hưng nghiệp Formosa Hà Tĩnh)					400,000	

STT	Tên dự án đầu tư	Nhà đầu tư/chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Tiến độ đến 30/10/2019
1	Dự án cảng cá Thuận An kết hợp khu neo đậu tránh trú bão		Huyện Phú Vang	2019-2020	Xây dựng Cảng và chợ cá diện tích, đê chắn sóng, hệ thống trụ neo; Hệ thống kè bờ; công suất đón 120 lượt tàu/ngày, lượng thủy sản qua cảng đạt 20.000 tấn/năm; 500 tàu có công suất đến 300 CV vào tránh trú bão	250,000	
2	Dự án cảng cá Tư Hiền kết hợp với khu neo đậu tránh trú bão		Huyện Phú Lộc	2019-2020	Xây dựng cầu tàu, nâng cấp tuyến kè bờ neo đậu tàu thuyền, nạo vét tuyến luồng ra vào cửa biển và vũng neo đậu, sửa chữa hạ tầng khu vực cảng; bố trí công trình giám bồi lắng, giảm sóng khu vực cửa Tư Hiền. Quy mô, công suất đáp ứng 70 lượt tàu/ngày, lượng	110,000	

STT	Tên dự án đầu tư	Nhà đầu tư/chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Tổng mức đầu tư	Tiến độ đến 30/10/2019
					thủy sản qua cảng đạt 10.000 tấn/năm; 300 tàu có công suất đến 300 CV vào tránh trú bão		
3	Dự án nâng cấp khu neo đậu tránh trú bão Phú Hải		Huyện Phú Vang	2019-2020	Xây dựng tuyến đê chắn sóng dài 70m; Nạo vét khu neo đậu khoảng 18ha; nạo vét luồng lạch dài 750m, rộng 40m; bố trí hệ thống phao neo và một số hạng mục khác của dự án. Quy mô, công suất đáp ứng 500 tàu có công suất đến 300 CV vào tránh trú bão	40,000	

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRỌNG ĐIỂM NĂM 2020 (Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh quản lý)
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh
về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Th. gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư
	TỔNG CỘNG					7,701,943
I	Dự án hoàn thành năm 2020					
1	Kè chống sạt lở bờ sông Hương đoạn qua phường Hương Hồ, xã Hương Thọ, thị xã Hương Trà và xã thủy Bằng, thị xã Hương Thủy	Ban QLDA ĐTXD công trình NN và PTNT tỉnh TTH	H Thủy-H.Trà	2014-2018	3,49km	82,810
2	Kè chống sạt lở sông Bồ đoạn qua các xã Phong An, Phong Sơn thuộc huyện Phong Điền và các phường Hương Văn, Tứ Hạ, Hương Xuân và Hương Toàn thuộc thị xã Hương Trà	Ban QLDA ĐTXD công trình NN và PTNT tỉnh TTH	P.Đ-H.Trà	2017-2020	4,75km	81,906
3	Kè chống sạt lở bờ biển khu vực xã Quảng Công, huyện Quảng Điền	Ban QLDA ĐTXD công trình NN và PTNT tỉnh TTH	Q.Điền	2016-2020	7,4km	274,633
4	Kè chống sạt lở khẩn cấp đoạn Thuận An-Tư Hiền	Ban QLDA ĐTXD công trình NN và PTNT tỉnh TTH	PV-PL	2018-2020		300,149
5	Đường nối từ Quốc lộ 1A vào vườn quốc gia Bạch Mã, huyện Phú Lộc	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Phú Lộc	P.Lộc	2015-2020	2,8km	82,731

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Th. gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư
6	DA cải thiện môi trường nước thành phố Huế	Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị TTH	Huế	2008-2020		659,983
7	Doanh trại Đại đội 594 Phòng không	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh TTH	H.Thủy	219-2020	1500m2	23,878
8	Doanh trại Đại đội 17 Công binh	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh TTH	H.Thủy	219-2020	17,3ha	25,935
9	Phục hồi và tôn tạo Khu lưu niệm đồng chí Tố Hữu	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Quảng Điền	Q.Điền	2019-2020		25,000
10	Dự án Phát triển dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2018-2020		Huế	2019-2020		52,258
II	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2020					
1	Xử lý triệt để ô nhiễm môi trường do rác thải sinh hoạt tại các khu vực trọng điểm trên địa bàn tỉnh	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và CN tỉnh TTH	Tỉnh	2016-2020		85,790
2	Dự án "Chương trình phát triển các đô thị loại II (các đô thị xanh)-tiểu dự án Thừa Thiên Huế	Ban QLDA ĐTXD Chương trình phát triển các đô thị loại II(các đô thị xanh)	Huế - H.Thủy	2016-2020		1,617,196

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Th. gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư
3	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng-giai đoạn 2, dự án thành phần tỉnh TTH	Ban QLDA Chương trình phát triển các đô thị loại 2 (các đô thị xanh)	Tỉnh	2018-2020		36,238
4	Dự án Bảo tồn, tu bổ và tôn tạo hệ thống kinh thành Huế (hợp phần tu bổ, tôn tạo và ĐB, GPMB và tái định cư)	Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế	Huế	2016-2020		2,503,192
5	Phục hồi Điện Kiến Trung-Tử Cầm Thành	Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế	Huế	2016-2020		123,788
6	Dự án Phát triển dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2018-2020		Huế	2019-2020		52,258
7	Đường Chợ Mai - Tân Mỹ, huyện Phú Vang	Ban QL khu vực PT đô thị tỉnh TTH	P.Vang	2016-2020	4,83km	195,821
8	Đường Phú Mỹ - Thuận An, huyện Phú Vang	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông tỉnh TTH	P.Vang	2016-2020	4,13km	344,985
9	Đường phía Đông đầm Lập An	Ban QL Khu Kinh tế, công nghiệp tỉnh TTH	P.Lộc	2016-2020	4,5km	172,580
10	Đường cứu hộ cứu nạn Thủy Phù - Vĩnh Thanh	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông tỉnh TTH	H.Th-PV	2012-2020	14,5 km	155,806
III	Dự án khởi công mới năm 2020					
1	Đường trục chính Khu đô thị Chân Mây	Ban QL Khu Kinh tế, công nghiệp tỉnh TTH	P.Lộc	2016-2020	1,43km	104,987

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Th. gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư
2	Di dời và nâng cấp Bảo tàng lịch sử tỉnh tại địa điểm 268 Điện Biên Phủ	Sở Văn hóa và Thể thao	Huế	2020-2021		14,263
3	Dự án Hoàn thiện Chính quyền điện tử tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2018-2020	Sở Thông tin và Truyền thông	Huế	2019-2020		11,972
4	Dự án đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư phục vụ di dời khu vực I Kinh thành Huế		Huế			756,594
	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc Hương Sơ (khu vực 3)	Ban QLDA ĐTXD khu vực thành phố Huế	Huế	2019-2020		131,685
	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc Hương Sơ (khu vực 4)	Ban QLDA ĐTXD khu vực thành phố Huế	Huế	2019-2020		131,221
	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc Hương Sơ (khu vực 5)	Ban QLDA ĐTXD khu vực thành phố Huế	Huế	2019-2020		115,252
	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc Hương Sơ (khu vực 6)	Ban QLDA ĐTXD khu vực thành phố Huế	Huế	2019-2020		127,371
	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc Hương Sơ (khu vực 7)	Ban QLDA ĐTXD khu vực thành phố Huế	Huế	2019-2020		119,972
	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc Hương Sơ (khu vực 8)	Ban QLDA ĐTXD khu vực thành phố Huế	Huế	2019-2020		109,970
	Trường MN Hương Sơ (gđ1), TP Huế	Ban QLDA ĐTXD khu vực thành phố Huế	Huế	2019-2020		21,123

VĂN PHÒNG UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ XUẤT BẢN

Địa chỉ: 16 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Điện thoại liên hệ: 0234.3834537; Fax: 0234.3834537

Email: congbao@thuathienhue.gov.vn;

Website: <http://congbao.thuathienhue.gov.vn>;

In tại: Công ty CP In và Dịch vụ giáo dục Huế.